

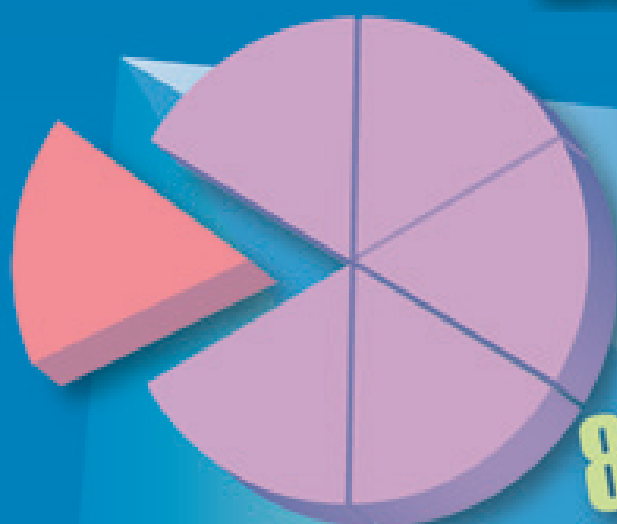
HỒ KHẮC VŨ

50 ĐỀ THI HỌC KỲ I

TOÁN

Có đáp án

LỚP 4



$$\frac{8 \times 7 \times 5}{11 \times 8 \times 7} = ?$$

Soạn theo thông tư 22 và Công nghệ
giáo dục của Bộ Giáo Dục

ĐỀ 01

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Câu 1: Khoanh vào câu trả lời đúng (0,5 điểm)

1. Trong các số 5 784; 6874; 6 784; 5748, số lớn nhất là:

- A. 5785 B. 6 874 C. 6 784 D. 5 748

2. 5 tấn 8 kg = kg?

- A. 580 kg B. 5800 kg C. 5008 kg D. 58 kg

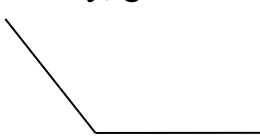
3. Trong các số sau số nào chia hết cho 2 là:

- A. 605 B. 1207 C. 3642 D. 2401

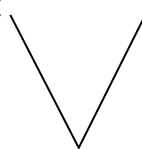
4. Trong các góc dưới đây, góc nào là góc tù:



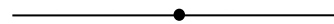
A



B



C



D

A. Góc đỉnh A

B. Góc đỉnh B

C. Góc đỉnh C

D. Góc đỉnh D

Câu 2: Chu vi của hình vuông là 16m thì diện tích sẽ là: (1 đ)

- A. 16m B. 16m² C. 32 m D. 12m

Câu 3: Năm 2016 là thế kỉ thứ bao nhiêu? (0,5 điểm)

- A. XIX B. XX C. XVIII D. XXI

Câu 4: Xếp các số sau: 2274 ; 1780; 2375 ; 1782 (0,5 điểm)

Theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

II. Tự luận: (6 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a. 72356 + 9345

b. 3821 - 1805

.....
.....
.....

.....

.....

c. 2163×203

d. $2688 : 24$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất

a). $2 \times 134 \times 5$

b). $43 \times 95 + 5 \times 43$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: (2 điểm) Tổng số tuổi của mẹ và con là 57 tuổi. Mẹ hơn con 33 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....

.....

.....

Câu 4: (1 điểm) Tìm số bị chia nhỏ nhất trong phép chia có thương là 12 và số dư là 19

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM MÔN TOÁN LỚP 4

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Khoanh đúng mỗi câu được 0,5 điểm.

Câu 1a) - ý **B: 6 874**

Câu 1b) - ý **C: 5 tấn 8 kg = 5008 kg**

Câu 1c) – ý **C: 3642**

Câu 1d) – ý **B: Góc đỉnh B**

Câu 2: B (1 đ)

Câu 3: Năm 2016 là thế kỉ thứ bao nhiêu?

- Đúng ý - **D. XXI** (được 0,5 điểm)

Câu 4: Theo thứ tự từ bé đến lớn: 1780; 1782 ; 2274 ; 2375 (0,5 điểm)

II. Tự luận: (4 điểm)

Bài 1- (2 điểm): Đặt tính và thực hiện tính đúng mỗi câu được 0,5 điểm. Kết quả là:

a. 81701

b. 2016

c. 439089

d. 112

Bài 2: (1đ) Tính bằng cách thuận tiện nhất : Làm đúng mỗi phần cho **0,5đ**

$$\begin{aligned} \text{a. } 2 \times 134 \times 5 &= (2 \times 5) \times 134 \\ &= 10 \times 134 \\ &= 1340 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b. } 43 \times 95 + 5 \times 43 & \\ &= 43 \times (95 + 5) \\ &= 43 \times 100 = 4300 \end{aligned}$$

Bài 3: (2 điểm)

Bài giải

Tuổi của mẹ là:

$$(57 + 33) : 2 = 45 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của con là:

$$(57 - 33) : 2 = 12 \text{ (tuổi)}$$

$$\text{Hoặc: } 45 - 33 = 12 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: **Mẹ: 45 tuổi; Con: 12 tuổi**

Bài 4 : (1 điểm)

Số dư là 19 thì số chia bé nhất là : 20

$$\text{Số bị chia bé nhất là: } 20 \times 12 + 19 = 259$$

Đáp số: **259**

ĐỀ 02

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng(từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1: Số 45 317 đọc là:

- A. Bốn mươi năm nghìn ba trăm mười bảy
- B. Bốn trăm nghìn ba trăm mười bảy
- C. Bốn mươi lăm nghìn ba trăm mười bảy

Câu 2: 6 tạ 5 yến = kg

- A. 650
- B. 6 500
- C. 605
- D. 6

050

Câu 3: $2 \text{ m}^2 51 \text{ dm}^2 = \dots\dots \text{ dm}^2$

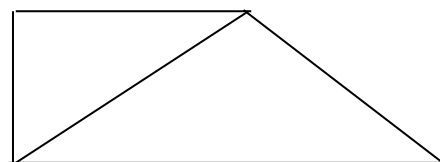
- A. 2 501
- B. 2 510
- C. 2 051
- D. 251

Câu 4: Trung bình cộng của hai số là 27. Số bé là 19 thì số lớn là:

- A. 54
- B. 35
- C. 46
- D. 23

Câu 5: Hình bên có

- A. Bốn góc nhọn, hai góc tù và hai góc vuông
- B. Bốn góc nhọn, hai góc tù và một góc vuông
- C. Bốn góc nhọn, một góc tù và hai góc vuông



Câu 6: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$567 \times 23 + 433 \times 23$$

Câu 7: Cho các chữ số 0,3,5,7. Từ các chữ số đã cho, hãy viết số lớn nhất chia hết cho 2, 3 và 5, các chữ số đều khác nhau.

Câu 8: Đặt tính rồi tính.

a) $137\,052 + 28\,456$

b) $596\,178 - 344\,695$

Câu 9: Tìm x:

a) $x \times x \times 42 = 15\,792$

b) $x : 255 = 203$

Câu 10: Một cửa hàng trong hai tháng bán được 3 450m vải. Tháng thứ nhất bán được ít hơn tháng thứ hai là 170m vải. Hỏi mỗi tháng cửa hàng đó bán được bao nhiêu mét vải?

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI VÀ BIỂU ĐIỂM

CÂU				
1	2	3	4	5
C	A	D	B	A

Câu 6: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$\begin{aligned}567 \times 23 + 433 \times 23 &= 23 \times (567 + 433) \\ &= 23 \times 1000 = 23\,000\end{aligned}$$

Câu 7: Số đó là 750

Câu 8: Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm:

$$\begin{array}{r} 37\,052 \\ + \\ \hline 28\,456 \\ \hline 65\,508 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 596\,178 \\ - \\ \hline 344\,695 \\ \hline 251\,483 \end{array}$$

Câu 9: Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm

$$\begin{array}{ll} x \times 42 = 15\,792 & x : 255 = 203 \\ x = 15\,792 : 42 & x = 203 \times 255 \\ x = 376 & x = 51\,765 \end{array}$$

Câu 10: Bài giải

Tháng thứ nhất cửa hàng bán được số mét vải là (0,25đ):

$$(3\,450 - 170) : 2 = 1640 \text{ (m)} \text{ (0,5đ)}$$

Tháng thứ hai cửa hàng bán được số mét vải là (0,25đ):

$$3450 - 1640 = 1810 \text{ (m)} \text{ (0,5đ)}$$

Đáp số : 1640 mét (0,25đ):

1810 mét (0,25đ):

Chú ý: Các câu : 6,8,9,10: HS biết đặt tính đúng là được tính 50% số điểm

ĐỀ 03

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

...../0,5đ **Câu 1.** Số bốn trăm linh hai nghìn bốn trăm hai mươi viết là :

A.40002400 B.4020420 C. 402420 D.240420

...../0,5đ **Câu 2.** Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của

7 yến 8 kg =kg là:

A.78kg B.780kg C.7008kg D.708kg

...../0,5đ **Câu 3:**Bác Hồ sinh năm 1980.Bác Hồ sinh vào thế kỉ.....

A.XVIII B.XX C.XVI D.XXI

...../0,5đ **Câu 4:** Trung bình cộng của hai số 42 và 26 là:

A.35 B.34 C.36 D.37

...../1đ **Bài 3.** Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

$$\begin{array}{r} \text{a)} \quad x \quad 536 \\ \quad \quad 308 \\ \hline \quad \quad 4288 \\ 16080 \\ \hline 165088 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 25275 \\ 0367 \\ 0435 \\ 003 \end{array} \begin{array}{l} 108 \\ 234 \\ \hline \end{array}$$

...../7đ **B. THỰC HÀNH:**

...../2đ **Bài 1.** Đặt tính rồi tính :

$$43\,679 + 13\,487 \qquad 246\,762 - 94\,874 \qquad 345 \times 205 \qquad 117\,869 : 58$$

[illegible]

...../2đ **Bài 2.** Tìm x :

$$\mathbf{a/} \quad x + 2581 = 4621$$

$$\mathbf{b/} \quad x - 935 = 532$$

[illegible]

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: TOÁN LỚP 4

KIỂM TRA CUỐI KỲ I – (2015-2016)

PHẦN TRẮC NGHIỆM: 3 điểm

Câu 1 : (0.5 đ) C

Câu 2 : (0.5 đ) A

Câu 3 : (0.5 đ) B

Câu 4 : (0.5 đ) B

Câu 5 : (1 đ) a/ Đ (0.5 đ)

b/ Đ (0.5 đ)

THỰC HÀNH:

Bài 1: (2 đ) - Đúng mỗi phép tính cho 0,5 điểm.

Bài 2: (2 đ)

$$X + 2581 = 4621$$

$$X = 4621 - 2581 \quad (0.5 \text{ đ})$$

$$X = 2040 \quad (0.5 \text{ đ})$$

$$x - 935 = 532$$

$$x = 532 + 935 \quad (0.5 \text{ đ})$$

$$x = 1467 \quad (0.5 \text{ đ})$$

Bài 3: (2 đ)

Bài giải

Số cây lớp 4A trồng được là :

$$(568 + 36) : 2 = 302 \text{ (cây)} \quad (1 \text{ đ})$$

Số cây lớp 4B trồng được là :

$$(568 - 36) : 2 = 266 \text{ (cây)}$$

$$\text{Đáp số : 4A : 302 cây} \quad (1 \text{ đ})$$

$$4B : 266 \text{ cây}$$

Học sinh ghi sai, thiếu tên đơn vị hoặc đáp số ghi nhận trừ chung 0.5 đ

Bài 4: (2 đ) - Góc vuông : + Đỉnh D cạnh DA, DC.

+ Đỉnh C cạnh CB, CD. (0.5 đ)

- Góc nhọn đỉnh A cạnh AD, AB.

- Góc tù đỉnh B cạnh BA, BC . (0.5 đ)

ĐỀ 04

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: (0,5 điểm) Số 956 384 521 đọc là:

- A. Chín mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bốn nghìn năm trăm hai mươi một.
- B. Chín trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi một.
- C. Chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn năm trăm hai mươi một.
- D. Chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một.

Câu 2: (0,5 điểm) Các số dưới đây số nào chia hết cho 5?

- A. 659 403 753 B. 904 113 695 C. 709 638 551 D. 559 603 553

Câu 3: (1 điểm)

a/ 59 tấn 7 tạ =kg

- A. 59 700 B. 5 970 C. 59 7000 D. 59 007

b/ 4 ngày 7 giờ =giờ

- A. 47 B. 11 C. 103 D. 247

II. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

- a. $386\ 154 + 260\ 765$; b. $726\ 485 - 52\ 936$; c. 308×563 ; d. $5\ 176 : 35$

.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

Câu 2: (1 điểm)

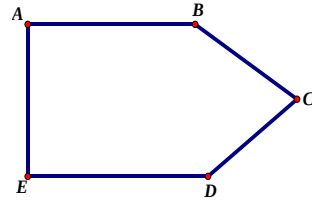
Viết các số 75 639; 57 963; 75 936; 57 396 0 theo thứ tự từ bé đến lớn:

- a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....
- b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:.....

Câu 3: (1 điểm)

Hình bên cógóc vuông.

Hình bên có.....góc tù.



Câu 4: (2 điểm) Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 160m, chiều rộng kém chiều dài 52 m. Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó?

Bài giải

This is a full-page view of a standard sheet of white graph paper. It features a uniform grid of small squares created by thin gray horizontal and vertical lines. The grid covers the entire area of the page without any margins or additional markings.

Câu 5 : (1 điểm) Tìm x:

$$a/x : 3 = 67\,482$$

$$b/x + 984\,737 = 746\,350 + 309\,081$$

[illegible]

Câu 6: (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức sau: $a \times 567 + b$. Với a là số lớn nhất có hai chữ số và b là số bé nhất có ba chữ số?

[illegible]

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN

PHẦN 1: (2 điểm) Khoanh đúng mỗi ý được 0,5 điểm; kết quả là:

1. D ; 2. B; 3. A ; C

PHẦN 2: (8 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm.

a. $386\ 154 + 260\ 765$; b. $726\ 485 - 52\ 936$; c. 308×563 ; d. $5176 : 35$

a) **646919** b) **673549** c) **173404** d) **147 (dư 31)**

Câu 2: (1 điểm) Thứ tự từ bé đến lớn là: 57 396; 57 936; 75 639; 75 936.

Thứ tự từ lớn đến bé là: 75 936; 75 639 ; 57 936; 57 396.

Câu 3: (1 điểm)

Hình bên có 2 góc vuông.

Hình bên có 2 góc tù.

Câu 4: (2 điểm)

Bài giải

Chiều rộng của mảnh đất là:

$$(160 - 52) : 2 = 54 \text{ (m)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Chiều dài của mảnh đất là:

$$(160 + 52) : 2 = 106 \text{ (m)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Diện tích của mảnh đất là:

$$106 \times 54 = 5724 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,75 \text{ điểm})$$

$$\text{Đáp số: } 5724 \text{ m}^2 \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Câu 5 : (1 điểm) Tìm x:

$$\text{a/ } x : 3 = 67\ 482$$

$$x = 67482 \times 3$$

$$x = 202\ 446$$

$$\text{b/ } x + 984\ 737 = 746\ 350 + 309\ 081$$

$$x + 984\ 737 = 1\ 055\ 431$$

$$x = 1\ 055\ 431 - 984\ 737$$

$$x = 70\ 694$$

Câu 6: (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức sau: $a \times 567 + b$. Với a là số lớn nhất có hai chữ số và b là số bé nhất có ba chữ số?

Theo bài ra ta có: $a \times 567 + b = 99 \times 567 + 100 = 56\ 133 + 100 = 56\ 233$

ĐỀ 05

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1: (0.5 điểm) Năm triệu không trăm bảy mươi nghìn sáu trăm được viết là:

- A. 5 070 060 B. 5 070 600
C. 5 700 600 D. 5 007 600

Câu 2: (0.5 điểm) Chữ số 7 trong số 587964 thuộc hàng nào?

- A. Hàng trăm B. Hàng nghìn C. Hàng chục D. Hàng đơn vị

Câu 3 : Trong các số 1397 ; 1367 ; 1697 ; 1679 số lớn nhất là số :

- A. 1397 B. 1367 C. 1697 D. 1679

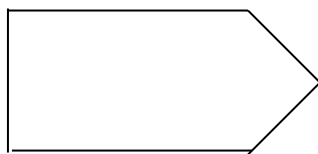
Câu 4: (0.5 điểm) Số trung bình cộng của 49 và 87 là?

- A. 67 B. 68 C. 69 D. 70

Câu 5: (0.5 điểm) 2 tấn =yến?

- A. 20 B. 200 C. 2000 D. 20000

Câu 6: (0.5 điểm) Hình vẽ bên có?



- A. Hai đường thẳng song song. Hai góc vuông.
B. Hai đường thẳng song song. Ba góc vuông.
C. Ba đường thẳng song song. Hai góc vuông.
D. Ba đường thẳng song song. Ba góc vuông.

Câu 7: (0.5 điểm) Kết quả của phép nhân 45×11 là:

- A. 90 B. 195 C. 495 D.

594

Câu 8: Bác Hồ sinh năm 1890 thuộc thế kỷ nào?

- A. Thế kỷ XVII B. Thế kỷ XVIII C. Thế kỷ XIX D. Thế kỷ XX

Câu 9: Trong các số sau số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 là:

- A. 450 B. 405 C. 504 D. 545

Câu 10: Kết quả của biểu thức: $5 \times 134 \times 2$ là:

- A. 134 B. 13400 C. 1304 D. 1340

II. TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $236\,105 + 82\,993$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

b) $935\,807 - 52453$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

c) 365×103

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

d) $11\,890 : 58$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 2: (2 điểm) Một trường tiểu học có 672 học sinh, số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là 92 em. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nữ, bao nhiêu học sinh nam?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 3: Tính nhanh:

$12345 \times 17 + 23 \times 12345 + 12345 + 12345 \times 35 + 12345 \times 24$

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ VÀ CHO ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2016-2017
MÔN: TOÁN LỚP 4
THỜI GIAN: 40 PHÚT

I. Phần trắc nghiệm : (5 điểm)

Từ câu 1 - câu 10 đúng mỗi câu được 0,5 điểm.

Câu 1. B	Câu 5. B	Câu 9. C
Câu 2. B	Câu. A	Câu 10. D
Câu 3. C	Câu 7. C	
Câu 4. B	Câu 8. C	

II. Phần tự luận: (5 điểm)

Câu 1: Mỗi phép tính đúng được 0.5 điểm.

A. $236\ 105 + 82993$ $\begin{array}{r} 236105 \\ + 82993 \\ \hline 319098 \end{array}$	B. $935\ 807 - 52453$ $\begin{array}{r} 935807 \\ - 52453 \\ \hline 883354 \end{array}$	C. 365×103 $\begin{array}{r} 365 \\ \times 103 \\ \hline 1095 \\ 365 \\ \hline 37595 \end{array}$	D. $11\ 890 : 58$ $\begin{array}{r l} 11890 & 58 \\ \hline 290 & 205 \\ 0 & \end{array}$
--	--	---	---

Câu 2:

Bài giải:

Hai lần số học sinh nam là: (0.25 đ)
 $672 - 92 = 580$ (học sinh) (0.25 đ)
Số học sinh nam là: (0.25 đ)
 $580 : 2 = 290$ (học sinh) (0.25 đ)
Số học sinh nữ là: (0.25 đ)
 $672 - 290 = 382$ (học sinh) (0.25 đ)
Đáp số: 290 học sinh nam (0.25 đ)
382 học sinh nữ (0.25 đ)

Câu 3: Tính nhanh:

$12345 \times 17 + 23 \times 12345 + 12345 + 12345 \times 35 + 12345 \times 24$
 $= 12345 \times 17 + 23 \times 12345 + 12345 \times 1 + 12345 \times 35 + 12345 \times 24$ (0.25 đ)
 $= 12345 \times (17 + 23 + 1 + 35 + 24)$ (0.25 đ)
 $= 12345 \times 100$ (0.25 đ)
 $= 1234500$ (0.25 đ)

ĐỀ 06

Bài 1 : (1,0 điểm) Viết các số sau :

- Sáu trăm mười ba triệu :

.....

- Một trăm ba mươi một triệu bốn trăm linh năm nghìn :

.....

- Bảy trăm năm mươi ba triệu

.....

- Hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm linh bảy nghìn bảy trăm :

.....

Bài 2 : (1,0 điểm)

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm

2 tấn 7 kg = kg ; 2 giờ 20 phút =
phút

b) Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào chỗ chấm :

Số	3824	5342769
Giá trị chữ số 3	300	300000
Đúng / sai		

Bài 3 : (2,0 điểm) Đặt tính rồi tính

$$68045 + 21471$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$$96306 - 74096$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$$1162 \times 4$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$$672 : 6$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 : (1,0 điểm) Tìm x :

$$x + 262 = 4848$$

.....

.....

$$x - 707 = 3535$$

.....

.....

Bài 5 : (1,0 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$98 + 3 + 97 + 2$$

.....
.....
Bài 6 : (1,5 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Phát biểu nào sau đây là đúng :

A. Góc tù lớn hơn góc vuông.

B. Góc tù bằng góc vuông.

C. Góc tù bé hơn góc vuông.

b) Số trung bình cộng của 36 ; 42 và 12 là :

A. 30

B. 33

C. 31

c) Cô giáo nói: Bạn Bắc sinh vào năm cuối cùng của thế kỉ hai mươi. Năm nay là năm 2013, vậy tuổi của Bắc hiện nay là :

A. 13 tuổi

B. 11 tuổi

C. 10 tuổi

Bài 7 : (2 điểm)

Tuổi anh và tuổi em cộng lại được 34 tuổi, anh hơn em 6 tuổi. Hỏi anh bao nhiêu tuổi, em bao nhiêu tuổi ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 8 : (0.5 điểm) Tính giá trị của $a + b + c$ nếu :

$a = 5$, $b = 7$, $c = 10$

.....
.....
.....

..... Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC : 2013 – 2014
Môn : TOÁN – Lớp BỐN

Bài 1 : (1 điểm) Viết đúng số mỗi hàng ghi 0,25 điểm

Bài 2 : (1 điểm) Ghi đúng mỗi chỗ chấm 0,25 điểm

Bài 3 : (2 điểm)

- Đặt tính đúng mỗi phép tính ghi 0,25đ (đối với phép nhân, chia yêu cầu học sinh phải tính đúng các tích riêng ở các lần nhân hoặc thương, số dư của mỗi lần chia.

- Tính đúng mỗi phép tính ghi 0,25đ

$$\begin{array}{r} 68\ 045 \\ + \\ \hline 21\ 471 \\ \hline 89\ 516 \end{array} \quad \begin{array}{r} 96\ 306 \\ - \\ \hline 74\ 096 \\ \hline 22\ 210 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1162 \\ \times \\ \hline 4 \\ \hline 4648 \end{array} \quad \begin{array}{r} 672 \\ 07 \\ 12 \\ 0 \\ \hline 6 \\ 112 \end{array}$$

Bài 4 : (1,0 điểm) Tìm x

Học sinh thực hiện đúng mỗi bài 0.5 điểm

$$x + 262 = 4848$$

$$x = 4848 - 262 \text{ (0,25 đ)}$$

$$x = \mathbf{4586} \text{ (0,25 đ)}$$

$$x - 707 = 3535$$

$$x = 3535 + 707 \text{ (0,25 đ)}$$

$$x = \mathbf{4242} \text{ (0,25 đ)}$$

)

Bài 5 : (1,0 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$\begin{aligned} 98 + 3 + 97 + 2 &= (98 + 2) + (97 + 3) \\ &= 100 + 100 \\ &= 200 \end{aligned}$$

Bài 6 : (1,5 điểm) Mỗi câu 0,5 điểm

Câu	a	b	c
Đáp án	A	A	A

Bài 7 : (2 điểm)

- Tóm tắt đúng : (0,5đ)

- Ghi đúng câu lời giải, tính và viết đúng tuổi chị (0,5đ)

- Ghi đúng câu lời giải, tính và viết đúng tuổi em (0,5đ)

- Ghi đúng đáp số (0,5đ)

- Câu lời giải sai hoặc chưa hoàn chỉnh trừ 0,25đ, sai đơn vị trừ 0,25đ. Điểm trừ tối đa cả bài là 0,25đ

Bài giải

Tuổi của anh là:

$$(34 + 6) : 2 = \mathbf{20} \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của em là:

$$34 - 20 = \mathbf{14} \text{ (tuổi)}$$

Đáp số : anh **20** tuổi

Em **14** tuổi

Bài 8 : (0.5 điểm) Tính giá trị của $a + b + c$ nếu :

$a = 5$, $b = 7$, $c = 10$

Nếu $a = 5$, $b = 7$, $c = 10$ thì $a + b + c = 5 + 7 + 10 = 22$

ĐỀ 07

A- Phần trắc nghiệm: (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái a,b,c,d có câu trả lời đúng nhất.

Bài 1: (1 điểm) Số 7635672 được đọc là:

- a. Bảy triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- b. Bảy triệu sáu trăm ba lăm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- c. Bảy triệu sáu trăm nghìn ba mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- d. Bảy triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu bảy hai.

Bài 2: (1 điểm) . Có bao nhiêu số có 3 chữ số mà mỗi chữ số của số đó đều giống nhau?

- a. 7
- b. 8
- c. 9
- d. 1

Bài 3: (1 điểm) . 1 tấn =kg

- a. 100
- b. 1000
- c. 10000
- d. 10

Bài 4: (1 điểm) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

$$101113 > 1011...3$$

- a. 0
- b. 1
- c. 2
- d. 3

B- Phần tự luận : (6 điểm)

Bài 5: (1 điểm) Viết số biết số đó gồm:

1. 8 mươi triệu, 7 trăm nghìn , 6 nghìn , 5 trăm , 4 đơn vị :

.....

b. 14 triệu, 6 trăm nghìn, 3 trăm , 4 chục :

Bài 6: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

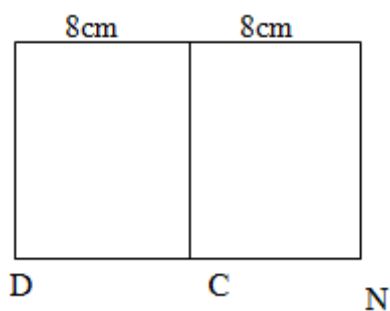
a. $9876402 + 1285694$

b. $649072 - 178526$

c. 1334×376

d. $5867 : 17$

Bài 7: (1 điểm) Cho hình vẽ bên. Biết ABCD và BMNC là các hình vuông cạnh 8 cm. Viết tiếp vào chỗ chấm:



a) Đoạn thẳng AM vuông góc với các đoạn thẳng.....

b) Diện tích hình chữ nhật

AMND.....

Bài 8: (2 điểm) Một ô tô 2 giờ đầu chạy được 60 km, 3 giờ sau chạy được 90 km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô chạy được bao nhiêu km?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp án đề thi học kì 1 lớp 4 môn Toán năm 2014

A- Phần trắc nghiệm : 4 điểm

- Mỗi câu 1 điểm.

Câu1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	c	b	a

B- Phần tự luận : 6 điểm

Bài 5: Viết (1 đ) mỗi số đúng 0,5 điểm

a.80706504

b.14600304

Bài 6: Đặt tính và tính (2đ) mỗi phép tính đúng 0,5 điểm

a, 11162096

b, 470546

c, 501584

d, 351

Bài 7. (1đ) Mỗi câu đúng 0,5 điểm

a)AD, BC, MN

b) 128 cm^2

Bài 8: (2đ) _____

Bài giải

Quãng đường ô tô đó chạy được: (0,25đ)

$$60 + 90 = 150 \text{ (km)} \quad (0,5đ)$$

Thời gian ô tô đó chạy: (0,25đ)

$$2 + 3 = 5 \text{ (giờ)} \quad (0,25đ)$$

Trung bình mỗi giờ ô tô đó chạy được: (0,25đ)

$$150 : 5 = 30 \text{ (km)} \quad (0,5đ)$$

ĐỀ 08

I. TRẮC NGHIỆM: 4 điểm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: **(0,5 điểm)** Số bé nhất trong các số: 234789; 243789; 234879; 289743.

- A. 234789 B. 243789 C. 234879 D. 289743

Câu 2: **(0,5 điểm)** Số nào trong các số dưới đây có chữ số 9 biểu thị cho 9000?

- A. 93574 B. 29687 C. 17932 D. 80296

Câu 3: **(0,5 điểm)** Kết quả của phép nhân 125×428 là:

- A. 53400 B. 53500 C. 35500 D. 53005

Câu 4: **(0,5 điểm)** Thương của phép chia $67200 : 80$ là số có mấy chữ số:

- A. 5 chữ số B. 4 chữ số C. 3 chữ số D. 2 chữ số

Câu 5: **(1 điểm)** Một hình chữ nhật có chiều dài là 15 m, chiều rộng là 8 m. Diện tích là:

- A. 100 m^2 B. 110 m^2 C. 120 m^2 D. 130 m^2

Câu 6: **(1 điểm)** Số thích hợp để viết vào chỗ chấm chấm của 5 tấn 15 kg = kg là:

- A. 5015 B. 5051 C. 5501 D. 5105

II. PHẦN TỰ LUẬN: 6 điểm

Câu 1. Đặt tính rồi tính **(2 điểm)**

a. $45587 + 21706$

.....
.....
.....

c. 235×108

.....
.....
.....
.....

b. $746215 - 41102$

.....
.....
.....

d. $2520 : 12$

.....
.....
.....
.....

Câu 2. **(1 điểm)** Đổi các đơn vị sau:

a) $18\text{m}^2 8\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

b) 2 phút 5 giây = giây

Câu 3: **(1 điểm)** Tìm số tròn chục x , biết $47 < x < 82$

Câu 4. (2 điểm)

Bài giải:

.....

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN LỚP 4

I. TRẮC NGHIỆM: 4 điểm

Câu 1: (0,5 điểm)	A	Câu 4 : (0,5 điểm)	C
Câu 2 : (0,5 điểm)	B	Câu 5 : (1 điểm)	C
Câu 3 : (0,5 điểm)	B	Câu 6 : (1 điểm)	A

II. PHẦN TỰ LUẬN: 6 điểm

Câu 1: Mỗi phép tính 0,5 điểm.

a) 67293 ; b) 705113 ; c) 25380 ; d) 210

Câu 2. : (1 điểm) Làm đúng mỗi câu được 0,5 điểm.

a) 1808 dm^2 b) 125 giây

Câu 3. (1 điểm) Viết đúng mỗi số được 0,25 điểm.

Số tròn trăm lớn hơn 47 và nhỏ hơn 82 là các số 50, 60, 70, 80.

Vậy x là các số : 50, 60, 70, 80.

Câu 4. Giải bài toán. (2 điểm)

Bài giải

Chu vi hình vuông là: (0.25 đ)

$$9 \times 4 = 36 \text{ (m)} \quad (0.5 \text{ đ})$$

Diện tích hình vuông là : (0,25 đ)

$$9 \times 9 = 81 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,5 \text{ đ})$$

Đáp số: Chu vi: 36 mét (0.25 đ)

Diện tích: 81 m^2 (0.25 đ)

ĐỀ 09

PHẦN 1: Trắc nghiệm (5 điểm).

Hãy khoanh vào trước câu trả lời đúng:

Bài 1. (1 điểm) Số 85 201 890 được đọc là:

- a. Tám trăm năm mươi hai triệu không trăm mười tám nghìn chín mươi
- b. Tám mươi lăm triệu hai trăm linh một nghìn tám trăm chín mươi
- c. Tám triệu năm trăm hai không một nghìn tám trăm chín mươi
- d. Tám nghìn năm trăm hai mươi triệu một nghìn tám trăm chín mươi

Câu 2: (1 điểm) Cho tứ giác MNPQ như hình vẽ góc vuông thuộc đỉnh nào sau đây?



- A. đỉnh M B. đỉnh P C. đỉnh N D. đỉnh Q
- Câu 3. (1 điểm) 1 tấn =kg**
- 1000 (1) B. 100 C. 10000 D. 10

Bài 4. (1 điểm) Chữ số 2 trong số 7 642 874 chỉ:

- A. 20 000 B. 200 C. 200 000 D. 2000

Câu 5. (1 điểm) 1 giờ =phút

- A. 60 phút B. 90 phút C. 120 phút D. 50 phút

PHẦN 2: Tự luận (5 điểm).

Câu 6. (2 điểm). Đặt tính rồi tính.

a. $76402 + 12856$

b. $49172 - 28526$

c. 334×37

d. $128\,472 : 6$

Câu 7: (1 điểm). Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a. $490 \times 365 - 390 \times 365$

b. $2364 + 37 \times 2367 + 63 =$

Câu 8: (2 điểm). Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài bằng 105 mét, chiều rộng bằng 68 mét. Tính

a. Chu vi mảnh đất đó

b. Diện tích mảnh đất đó.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

PHẦN 1 Trắc nghiệm: (5 điểm) Một câu trả lời đúng được 1 điểm :

Câu 1. Khoanh vào: B (1 điểm).

Câu 2. Khoanh vào: C (1 điểm).

Câu 3. Khoanh vào: A (1 điểm).

Câu 4. Khoanh vào: D (1 điểm)

Câu 5. Khoanh vào: A (1 điểm)

PHẦN 2 : Tự luận (5 điểm).

Câu 6: (2 điểm). Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được (0,5) điểm.

a. 89258 b. 20646 c. 12358 d. 21412

Câu 7: (1 điểm). Tính bằng cách thuận tiện nhất Mỗi phép tính đúng được 0.5 điểm

$$\begin{aligned} \text{a) } 490 \times 365 - 390 \times 365 &= 365 \times (490 - 390) \\ &= 365 \times 100 \\ &= 36500 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b. } 2364 + 37 \times 2364 + 63 &= 2364 \times (37 + 63) \\ &= 2364 \times 10 \\ &= 23640 \end{aligned}$$

Câu 8: (2 điểm)

- Mỗi lời giải đúng được 0,5 điểm

a. Tìm được chu vi được 0,5 điểm

b. Tìm được diện tích được 0,5 điểm

a. Chu vi mảnh đất đó là

$$(105 + 68) \times 2 = 346 \text{ (m)}$$

b. Diện tích mảnh đất đó là

$$105 \times 68 = 7140 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 346 m
7140 m²

ĐỀ 10

1. Đặt tính rồi tính:

• $54\,172 \times 3$

• 385×200

• 276×412

• 83×11

• 23×46

• 960×70

2. Tính nhẩm:

• $2005 \times 10 =$

• $358 \times 1000 =$

• $6700 \times 10 : 100 =$

• $80\,000 : 10\,000 \times 10 =$

3. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $4 \times 21 \times 25$

b) $63 \times 178 - 53 \times 178$

c) $607 \times 92 + 607 \times 8$

d) $8 \times 4 \times 25 \times 125$.

4. Đặt tính rồi tính:

• $9090 : 88$

• $6726 : 177$

• $48\,675 : 234$

• $209\,600 : 400$

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

• $1300\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $500\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

dm^2

• $9\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $4\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$\dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $13\text{dm}^2\,5\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

• $5308\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 = \dots\dots\dots$

• $3\text{m}^2\,6\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $8791\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 =$

6. Một cái sân hình chữ nhật có chu vi 108m và có chiều rộng là 18m. Tính diện tích cái sân đó.

7. May mỗi bộ quần áo cần có 3m 50cm vải. Hỏi:

a) May 82 bộ quần áo như thế cần có bao nhiêu mét vải?

b) Có 49m vải thì may được bao nhiêu bộ quần áo như thế?

ĐÁP ÁN

1. 162 516; 113 712; 1058; 77 000; 913; 67 200

2. 20 050; 358 000; 670; 80

3. a) $4 \times 21 \times 25 = 4 \times 25 \times 21 = 100 \times 21 = 2100$

b) $63 \times 178 - 53 \times 178 = 178 \times (63 - 53) = 178 \times 10 = 1780$

c) $607 \times 92 + 607 \times 8 = 607 \times (92 + 8) = 607 \times 100 = 60700$

d) $8 \times 4 \times 25 \times 125 = 8 \times 125 \times 4 \times 25 = 1000 \times 100 = 100\,000$

4.

$$\begin{array}{r|l} 9090 & 88 \\ 0290 & 103 \\ \hline & 26 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 48675 & 234 \\ 01875 & 208 \\ \hline & 003 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 6726 & 177 \\ 1416 & 38 \\ \hline & 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 209600 & 400 \\ 960 & 524 \\ 1600 & \\ \hline & 0 \end{array}$$

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

• $1300\text{cm}^2 = 13\text{dm}^2$

• $500\text{cm}^2 = 5\text{dm}^2$

• $9\text{m}^2 = 900\text{dm}^2$

• $4\text{dm}^2 = 400\text{cm}^2$

• $13\text{dm}^2\,5\text{cm}^2 = 1305\text{cm}^2$

• $5308\text{dm}^2 = 53\text{m}^2 = 8\text{dm}^2$

• $3\text{m}^2\,6\text{dm}^2 = 306\text{dm}^2$

• $8791\text{dm}^2 = 87\text{m}^2 = 91\text{dm}^2$

6. Nửa chu vi là:

$$108 : 2 = 54\text{ (m)}$$

Chiều dài là:

$$54 - 18 = 36\text{ (m)}$$

Diện tích cái sân là:

$$36 \times 18 = 648\text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 648m^2

7. a) $3\text{m}50\text{cm} = 350\text{cm}$

May 82 bộ quần áo thì cần:

$$350 \times 82 = 28\,700\text{ (cm)} = 287\text{ (m)}$$

b) Số bộ quần áo may được là:

$$4900 : 350 = 14\text{ (bộ)}$$

Đáp số: a) 287m

b) 14 bộ

ĐỀ 11

1. Số ?

Số bị chia	Số chia	Thương	Số dư
8469	241		
1983	14		
7936	26		

2. Tìm x, biết:

a) $x : 305 = 642 + 318$

b) $x : 104 = 635 \times 2$

3. Tính:

a) $27\,356 + 423 \times 101$

c) $7281 : 3 \times 11$

b) $67 \times 54 - 209$

d) $6492 + 18\,544 : 4$

4. Viết thành số đo diện tích:

- Bảy đề-xi-mét vuông:
- Một nghìn tám trăm linh sáu xăng-ti-mét vuông:
- Ba mươi lăm nghìn mét vuông:
- Sáu trăm sáu mươi sáu đề-xi-mét vuông:

5. Một người đi xe máy trong 1 giờ 30 phút đi được 45km 360m. Hỏi trung bình mỗi phút xe máy đi được bao nhiêu mét?

6.

>
=
<
?

• $2\text{dm}^2 5\text{cm}^2$ 205cm^2

• $6\text{m}^2 48\text{dm}^2$ 7m^2

• 300dm^2 $2\text{m}^2 99\text{dm}^2$

• 73m^2 7300dm^2

7. Giải bài toán dựa vào tóm tắt sau:

$\left. \begin{array}{l} 37\text{kg gạo loại I, mỗi kí – lô – gam giá } 6400\text{đ} \\ 56\text{kg gạo loại II, mỗi kí – lô – gam giá } 5200\text{đ} \end{array} \right\} ? \text{ đồng}$

ĐÁP ÁN

1.

Số bị chia	Số chia	Thương	Số dư
8469	241	35	34
1983	14	142	0
7936	26	305	6

2. a) $x : 305 = 642 + 138$

$$x : 305 = 780$$

$$x = 780 \times 305$$

$$x = 237\,900$$

b) $x : 104 = 635 \times 2$

$$x : 104 = 1270$$

$$x = 1270 \times 104$$

$$x = 132\,080$$

3. a) $27\,356 + 423 \times 101 = 27\,356 + 42\,723 = 70\,079$

b) $67 \times 54 - 209 = 3618 - 209 = 3409$

c) $7281 : 3 \times 11 = 2427 \times 11 = 26\,697$

d) $6492 + 18\,544 : 4 = 6492 + 4636 = 11\,128$

4. 7dm^2 1806cm^2 $35\,000\text{m}^2$ 666dm^2

5. $1\text{ giờ } 30\text{ phút} = 90\text{ phút}$

$$45\text{km } 360\text{m} = 45360\text{m}$$

Trung bình mỗi phút xe máy đi được:

$$45360 : 90 = 504\text{ (m)}$$

Đáp số: 504 m

6. $2\text{dm}^2 5\text{cm}^2 = 205\text{cm}^2$

$$6\text{m}^2 48\text{dm}^2 < 7\text{m}^2$$

$$300\text{dm}^2 > 2\text{m}^2 99\text{dm}^2$$

$$73\text{m}^2 = 7300\text{dm}^2$$

7. Giá tiền của 37kg gạo loại I là:

$$6400 \times 37 = 236\,800\text{ (đồng)}$$

Giá tiền của 56kg gạo loại II là:

$$5200 \times 56 = 291\,200\text{ (đồng)}$$

Tổng số tiền của hai loại gạo là:

$$236\,800 + 291\,200 = 528\,000\text{ (đồng)}$$

Đáp số: 528 000 đồng

ĐỀ 12

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm): Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: a) Số 42 570 300 được đọc là:

- A. Bốn trăm hai mươi lăm triệu bảy mươi nghìn ba trăm.
- B. Bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm.
- C. Bốn hai triệu năm bảy nghìn ba trăm.
- D. Bốn mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm.

b) Trong số 9 352 471: chữ số 3 thuộc hàng nào? Lớp nào?

- A. Hàng trăm, lớp đơn vị
- B. Hàng nghìn, lớp nghìn
- C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn
- D. Hàng trăm nghìn, lớp trăm nghìn

Câu 2: a) Các số dưới đây số nào chia hết cho 2?

- A. 659 403 750
- B. 904 113 695
- C. 709 638 553
- D. 559 603 551

b) Năm 2005 thuộc thế kỉ nào?

- A. XVIII
- B. XIX
- C. XX
- D. XXI

Câu 3: a) Trung bình cộng của: 12cm, 13cm, 16cm, 27cm là:

- A. 17
- B. 17cm
- C. 68cm
- D. 68

b) Kết quả của phép chia $18\,000 : 100$ là:

- A. 18
- B. 180
- C. 1800
- D. 108

Câu 4: a) Tính giá trị của biểu thức sau: $a - b$. Với a là số lớn nhất có năm chữ số và b là số bé nhất có năm chữ số?

- A. 99 998
- B. 99 989
- C. 8 9999
- D. 80000

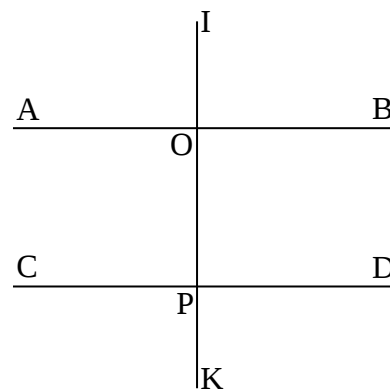
b) 4 ngày 7 giờ =giờ

- A. 47
- B. 11
- C. 103
- D. 247

Câu 5: Viết tiếp vào chỗ chấm :

a. Đường thẳng IK vuông góc với đường thẳng
và đường thẳng.....

b. Đường thẳng AB song song với đường thẳng



II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính : (2 điểm)

- a. $386\ 154 + 260\ 765$; b. $726\ 485 - 52\ 936$; c. 308×563 ; d. $12288 : 351$

.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

Câu 3: (2 điểm) Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 160m, chiều rộng kém chiều dài 52 m. Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

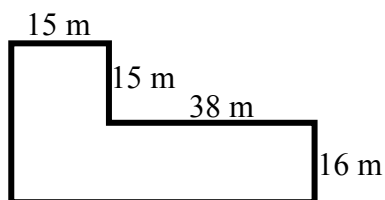
Câu 3: (1 điểm) Diện tích hình bên là:

A. 608m^2

B. 225m^2

C. 848m^2

D. 1073m^2



BIỂU ĐIỂM VÀ ĐÁP ÁN
MÔN TOÁN LỚP 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 5 điểm

Câu 1: a. D – 0,5 điểm

b.C – 0,5 điểm

Câu 2: a. A – 0,5 điểm

b. D – 0,5 điểm

Câu 3: a. B – 0,5 điểm

b. B – 0,5 điểm

Câu 4: a. C – 0,5 điểm

b. C – 0,5 điểm

Câu 5:

a. Đường thẳng IK vuông góc với đường thẳng AB và đường thẳng CD (0, 5 điểm)

b. Đường thẳng AB song song với đường thẳng CD (0, 5 điểm)

II. PHẦN TỰ LUẬN: 5 điểm

Câu 1: 2 điểm: Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm

a. 646 919

b. 673549

c. 173 404

d. 35 dư 3

Câu 2: 2 điểm

Bài giải

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(160 + 52) : 2 = 106 \text{ (m)} \quad (0, 5 \text{ điểm})$$

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(160 - 52) : 2 = 54 \text{ (m)} \quad (0, 5 \text{ điểm})$$

$$\text{(hoặc: } 160 - 106 = 54 \text{ m)}$$

$$\text{Hoặc: } 106 - 52 = 54 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

$$106 \times 54 = 5724 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,75 \text{ điểm})$$

$$\text{Đáp số: } 5724 \text{ m}^2 \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Câu 3: D – 1 điểm

ĐỀ 13

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Chữ số hàng chục nghìn của số 905 432 là:

- A. 9** **B. 0** **C. 5** **D. 4**

Câu 2: Tìm số tròn chục x biết: $27 < x < 55$

- A. 30, 40, 50** **B. 50, 60, 70**
C. 20, 30, 40 **D. 40, 50, 60,**

Câu 3: Tổng hai số là 45 và hiệu hai số đó là 9 thì số lớn là:

- A. 34** **B. 54** **C. 27** **D. 36**

Câu 4: Trong các số 98; 100; 365; 752; 565 số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5 là:

- A. 98; 100** **B. 365; 565** **C. 98; 100; 365** **D. 98; 100; 752**

Câu 5: Trung bình cộng của hai số là 27. Số bé là 19 thì số lớn là:

- A. 54** **B. 35** **C. 46** **D. 23**

Câu 6: 2 tấn 5 yến = kg

- A. 250** **B. 2500** **C. 2050** **D. 2000**

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 7: Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

a) $37\,052 + 28\,456$ b/ $596\,178 - 44\,695$ c/ 487×215 d/ $14790 : 34$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: Tìm x : (1 điểm)

a) $42 \times x = 15\,792$

b) $x : 255 = 203$

.....

.....

.....

Câu 9: (3 điểm) Một đội công nhân hai ngày sửa được 3 450m đường. Ngày thứ nhất sửa ít hơn ngày thứ hai là 170m đường. Hỏi mỗi ngày đội đó sửa được bao nhiêu mét đường?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: (1điểm) Tính nhanh

a/ $2010 \times 3 + 2010 \times 6 + 2010$
2011

b/ $2011 \times 89 + 10 \times 2011 +$

.....

.....

.....

.....

.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm; mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu 1: đáp án B

Câu 2: đáp án D

Câu 3: đáp án C

Câu 4: đáp án D

Câu 5: đáp án B

Câu 6: đáp án C

II. PHẦN TỰ LUẬN

Biểu điểm	Nội dung cần đạt				
<u>Câu 7: 2 điểm</u> - Mỗi phép tính đúng cho 0,5 điểm	37052 + 435 <u>28456</u> 65508	596178 - <u>344695</u> 251483	487 x <u>215</u> 2435	14790 119 170 00	34
<u>Câu 8: 1 điểm</u>	487 974 <u>104705</u> A, $42 \times X = 15792$ $X = 15792 : 42$ $X = 376$ $X : 255 = 203$ $X = 203 \times 255$ $X = 5176$				
<u>Câu 9: 3 điểm</u> - Trả lời đúng 0,5đ + Phép tính đúng 0,75đ - Trả lời đúng 0,5đ + Phép tính đúng 0,75đ Đáp số: 0,5 đ	Bài giải Ngày thứ nhất đội công nhân sửa được số mét đường là: $(3450 - 170) : 2 = 1640 \text{ (m)}$ Ngày thứ hai đội công nhân sửa được số mét đường là : $3450 - 1640 = 1810 \text{ (m)}$ Đáp số : - 1640 mét đường - 1810 mét đường.				
<u>Câu 10: 1 điểm</u> a/ $2010 \times 3 + 2010 \times 6 + 2010$ $= 2010 \times 3 + 2010 \times 6 + 2010 \times 1$ $= 2010 \times (3 + 6 + 1)$ $= 2010 \times 10$ $= 20100$	b/ $2011 \times 89 + 11 \times 2011$ $= 2011 \times (89 + 11)$ $= 2011 \times 100$ $= 201100$				

ĐỀ 14

A/ PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng của các câu sau.

Câu 1: (1đ) Trong các số 5 784; 6874; 6 784 số lớn nhất là: (M1)

- A. 5785 B. 6 784 C. 6 874

Câu 2: (1đ) Số: Hai mươi ba triệu chín trăm mười; được viết là: (M1)

- A. 23 910 B. 23 000 910 C. 23 0910 000

Câu 3: (1đ) Giá trị của chữ số 3 trong số 653 297 là: (M1)

- A. 30 000 B. 3000 C. 300

Câu 4: (0.5đ) $10 \text{ dcm}^2 2 \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{cm}^2$ (M2)

- A. 1002 cm^2 B. 102 cm^2 C. 120 cm^2

Câu 5: (0.5đ) $357 \text{ tạ} + 482 \text{ tạ} = \dots\dots ?$ (M1)

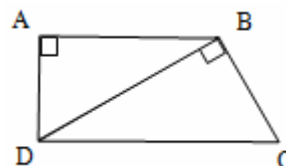
- A/ 839 B/ 739 tạ C/ 839 tạ

Câu 6: (0.5đ) Chu vi của hình vuông là 16m thì diện tích sẽ là: (M3)

- A. 16m B. 16 m^2 C. 32 m

Câu 7: (0.5đ) Hình bên có các cặp cạnh vuông góc là: (M3)

- A. AB và AD; BD và BC.
B. BA và BC; DB và DC.
C. AB và AD; BD và BC; DA và DC.



B/ PHẦN KIỂM TRA TỰ LUẬN (5 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính: (M1; M2)

- a. $186\,954 + 247\,436$ b. $839\,084 - 246\,937$ c. 428×39 d. $4935 : 44$

Bài 2: (2 điểm) Tuổi của mẹ và tuổi của con cộng lại là 57 tuổi. Mẹ hơn con 33 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi? (M2)

Bài 3: (1 điểm) Tìm số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau, chữ số hàng trăm là chữ số 5 mà số đó vừa chia hết cho 2 và vừa chia hết cho 5? (M4)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CUỐI KÌ 1 MÔN TOÁN LỚP 4

III/ ĐÁP ÁN VÀ CÁCH CHO ĐIỂM

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Câu 1: đáp án C (1 điểm)

Câu 2: đáp án B (1 điểm)

Câu 3: đáp án B (1 điểm)

Câu 4: đáp án A (1 điểm)

Câu 5: đáp án C (0.5 điểm)

Câu 6: đáp án B (0.5 điểm)

Câu 7: đáp án C (0.5 điểm)

B. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính: (M1; M2)

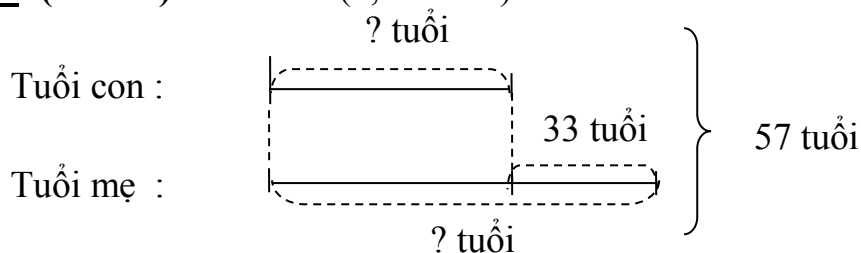
$$\begin{array}{r} 186\,954 + 247\,436 \\ + 652\,834 \\ \hline 196\,247 \\ 849\,081 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 839\,084 - 246\,937 \\ - 729\,684 \\ \hline 384\,928 \\ 344\,756 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 428 \times 39 \\ \times 428 \\ \hline 39 \\ 3852 \\ \hline 1284 \\ 16692 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4935 : 44 \\ 4935 \overline{) 34} \\ \hline 53 \overline{) 112} \\ 95 \\ \hline 7 \end{array}$$

Bài 2: (2 điểm): Tóm tắt (0,25 điểm):



Bài giải

Tuổi của mẹ là:

$$(57 + 33) : 2 = 45 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của con là:

$$(57 - 33) : 2 = 12 \text{ (tuổi)}. \text{ Hoặc: } 45 - 33 = 12 \text{ (tuổi)}. \text{ Hoặc: } 57 - 35 = 12 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: **Mẹ: 45 tuổi; Con: 12 tuổi**

Bài 3: (2 điểm).

Số đó là: 9580

ĐỀ 15

I/PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: 3 tấn 72 kg = kg

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

a. 372

b. 3720

c. 3027

d. 3072

Câu 2: $a \times \dots = \dots \times a = a$

Số hoặc chữ điền vào chỗ chấm là:

a. 1

b. 0

c. a

d. không xác định

Câu 3: $10\text{dm}^2 2\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

Số điền vào chỗ chấm là:

a. 102

b. 1020

c. 1002

d. 120

Câu 4: Trong các số: 605, 7362, 1207, 20601

Số chia hết cho 2 là:

a. 605

b. 1207

d. 7362

d. 20601

II/PHẦN TỰ LUẬN: (8 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính (2 điểm)

$$57696 + 814$$

$$5901 - 638$$

$$1357 \times 3$$

$$6797 : 7$$

Câu 2: Tìm x (2 điểm)

$$x - 306 = 504$$

$$x + 254 = 680$$

Câu 3: Một sân vận động hình chữ nhật có chiều dài 180 m, chiều rộng bằng nửa chiều dài. Tính diện tích sân vận động đó .(2điểm)

Câu 4: Hai thùng chứa tất cả 600 lít nước, thùng bé chứa ít hơn thùng to 120 lít nước. Hỏi mỗi thùng chứa được bao nhiêu lít nước ? (2điểm)

Đáp án đề thi cuối học kì 1 lớp 4 môn Toán năm học 2014-2015

I/PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2điểm)

Khoanh đúng kết quả mỗi câu được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4
Ý	d	a	c	d

II/PHÂN TỬ LUẬN:(8 điểm)

Câu 1: Tính đúng kết quả mỗi phép tính được 0,5 điểm

58510 5263 4071 971

Câu 2: Tìm x(2điểm)

$$x - 306 = 504$$

$$x = 504 + 306 \quad (0.5\text{điểm})$$

$$x = 810 \quad (0.5\text{điểm})$$

$$x + 254 = 680$$

$$x = 680 - 254 \quad (0.5\text{điểm})$$

$$x = 426 \quad (0.5\text{điểm})$$

Câu 3: (2điểm)

Giải:

Chiều rộng sân vận động đó:

$$180 : 2 = 90 \text{ (m)}$$

Diện tích sân vận động đó:

$$180 \times 90 = 16200(\text{m}^2)$$

Đáp số: 16200m²

Câu 4: (2điểm)

Giải

Thùng to chứa:

$$(600 + 120) : 2 = 360 \text{ (l)}$$

Thùng bé chứa:

$$(600 - 120) : 2 = 240 \text{ (l)}$$

Đáp số: 360 lít, 240 lít

ĐỀ 16

Phần 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Số gồm: năm mươi triệu, năm mươi nghìn và năm mươi viết là:

- a. 50 050 050 b. 5 005 500 c. 50 005 005 d. 50 500 050

Câu 2: Giá trị của chữ số 9 trong số 679 842 là:

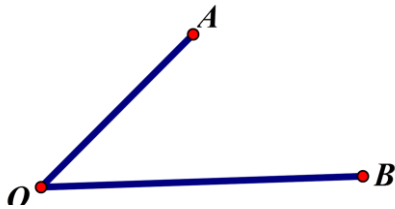
- a. 9 b. 900 c. 9 000 d. 90 000

Câu 3: Trong các số sau, số lớn nhất là:

- a. 8316 b. 8136 c. 8361 d. 8631

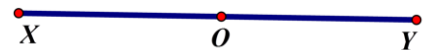
Câu 4: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

a.



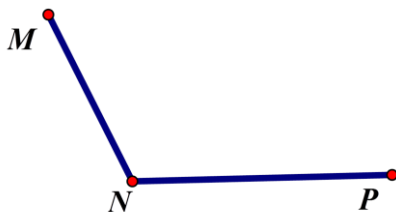
Góc:

b.



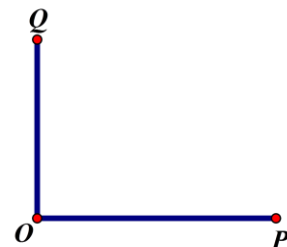
Góc:

c.



Góc:

d.



Góc:

Phần 2:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a) $572\,863 + 280\,192$

.....

b) $728\,035 - 49\,823$

.....

.....

.....

.....

.....

c) $2\,346 \times 42$

d) $9\,744 : 28$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. 1 yến = kg;

b. 2 km 45m = m;

c. $3\text{m}^2\,5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$;

d. 1 tấn = kg

Bài 3: Trong các số : 75; 3457; 4570; 925; 2464; 2438; 2050.

1. Số chia hết cho

2:.....

2. Số chia hết cho 5:

.....

Bài 4:

Vừa qua trường phát động phong trào ủng hộ các bạn học sinh vùng lũ lụt. Lớp 4A ủng hộ được 86 000 đồng, lớp 4B ủng hộ được 72 000 đồng, lớp 4C ủng hộ ít hơn lớp 4A

10 000 đồng. Hỏi trung bình mỗi lớp ủng hộ được bao nhiêu tiền?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5:

Một sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là 246 m, chiều dài hơn chiều rộng 32 m. a) Tính chiều dài và chiều rộng của sân trường hình chữ nhật?

b) Tính diện tích của sân trường hình chữ nhật?

Tóm tắt

.....

.....

.....

.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

Bài giải:

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

ĐÁP ÁN – ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN LỚP 4

Phần 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng (2 điểm): Mỗi ý đúng ghi 0,5đ

1. a. 50 050 050 2) c. 9 000 3) d. 8631 4) a. Nhọn; b. Bẹt; c. Tù; d. Vuông.

Phần 2:

Bài 1: (2 điểm): Mỗi phép tính đúng ghi 0,5đ

a)
$$\begin{array}{r} 572863 \\ + 280192 \\ \hline \end{array}$$

853 055

b)
$$\begin{array}{r} 728035 \\ - 49823 \\ \hline \end{array}$$

678212

c)
$$\begin{array}{r} 2346 \\ \times 42 \\ \hline \end{array}$$

4692

$$\begin{array}{r} 9384 \\ 98532 \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r|l} 9744 & 28 \\ 134 & 348 \\ 224 & \\ 00 & \end{array}$$

Bài 2: (1 điểm) : Viết số thích hợp vào chỗ chấm đúng 0,25đ

a. 1 yến = 10kg;

b. 2 km 45m = 2045m;

c. $3\text{m}^2 5\text{dm}^2 = 305 \text{dm}^2$;

d. 1 tấn = 1000kg

Bài 3: (1 điểm) :

1. Số chia hết cho 2: 4570; 2464; 2438; 2050. (0,5điểm)

2. Số chia hết cho 5: 75; 4570; 925; 2050. (0,5điểm)

Bài 4: (1,5 điểm)

Bài giải

Số tiền lớp 4c ủng hộ được là:

$$86\,000 - 10\,000 = 76\,000 \text{ (đồng)}$$

}
(0,5 điểm)

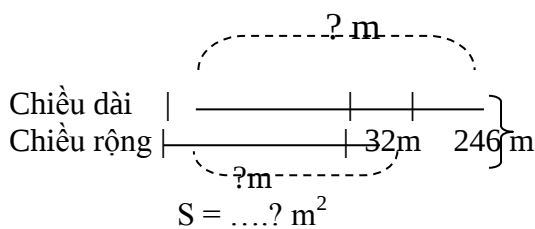
Trung bình mỗi lớp ủng hộ được là:

$$(86\,000 + 72\,000 + 76\,000) : 3 = 78\,000 \text{ (đồng)}$$

}
(0,75 điểm)

Đáp số : 78 000 đồng (0,25 đ)

Bài 5: (2,5 điểm)



Tóm tắt

}
(0,5 điểm)

Bài giải

a) Chiều dài sân trường hình chữ nhật:

$$(246 + 32) : 2 = 139 \text{ (m)}$$

}
(0,5 điểm)

Chiều rộng sân trường hình chữ nhật:

$$139 - 32 = 107 \text{ (m)}$$

}
(0,5 điểm)

b) Diện tích sân trường hình chữ nhật:

$$139 \times 107 = 14\,873 \text{ (m)}^2$$

}
(0,5 điểm)

Đáp số: a) 139 m ; 107 m

b) 14 873 m²

}
(0,5 điểm)

ĐỀ 17

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng của các câu sau.

Câu 1 (0,5 điểm): Chữ số 6 trong số 986.738 thuộc hàng nào? Lớp nào?

- A. Hàng nghìn, lớp nghìn. C. Hàng chục nghìn, lớp nghìn.
B. Hàng trăm, lớp nghìn. D. Hàng trăm, lớp đơn vị.

Câu 2 (0,5 điểm): Giá trị của chữ số 5 trong số sau: 765430.

- A. 50000 B. 500000 C. 5000 D. 500

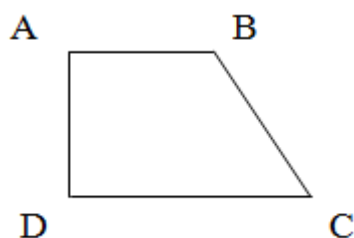
Câu 3 (0,5 điểm): $3 \text{ kg } 7 \text{ g} = ? \text{ g}$.

- A. 37 g B. 307 g C. 370 g D. 3007 g

Câu 4 (0,5 điểm): $2500 \text{ năm} = ? \text{ thế kỷ}$.

- A. 25 B. 500 C. 250 D. 50

Câu 5 (1,0 điểm): Hai cạnh nào vuông với góc nhau:



- A. BC vuông góc CD.
B. AB vuông góc AD.
C. AB vuông góc BC.
D. BC vuông góc AD.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1 (2,0 điểm): Tìm x:

- a) $75 \times X = 1800$ b) $X : 35 = 1350$

Bài 2 (1,0 điểm): Đặt tính rồi tính:

$$7515 \times 18$$

$$267 + 2143$$

Bài 3 (1,0 điểm): Tính giá trị của biểu thức:

$$823546 - 693924 : 28 =$$

Bài 4 (2,0 điểm): Một cửa hàng có 5 tấm vải, mỗi tấm dài 35m. Cửa hàng đã bán được $\frac{1}{7}$ số vải. Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu mét vải?

Bài 5 (1,0 điểm). Tính nhanh:

$$13 \times 27 + 13 \times 70 + 13 \times 4 - 13$$

=

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN CUỐI KÌ I – LỚP 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu 1: Ý - A (0,5 điểm)

Câu 2: Ý - C (0,5 điểm)

Câu 3: Ý - D (0,5 điểm)

Câu 4: Ý - A (0,5 điểm)

Câu 5: Ý - B (1,0 điểm)

II. PHẦN KIỂM TRA TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (2,0 điểm) (Mỗi phép tính đúng được 1,0 điểm)

a. $X = 24$ b. $X = 47,250$

Bài 2. (1,0 điểm) (Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm)

a. 135270 b. 2410

Bài 3: (1,0 điểm)

$$\begin{aligned} 823546 - 693924 : 28 &= 823546 - 24783 \\ &= 798763 \end{aligned}$$

Bài 4: (2,0 điểm)

Bài giải

Cửa hàng có số mét vải là:

$$5 \times 35 = 175 \text{ (m)}$$

Cửa hàng đã bán số mét vải là:

$$105 : 7 = 25 \text{ (m)}$$

Đáp số: 25 mét

Bài 5: (1,0 điểm) Tính nhanh:

$$\begin{aligned} 13 \times 4 - 13 + 13 \times 27 + 13 \times 70 &= 13 \times (3 + 27 + 70) \\ &= 13 \times 100 = 1300 \end{aligned}$$

ĐỀ 18

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Em hãy chọn và khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1) Số 3 003 003 đọc là:

- A. Ba triệu ba trăm linh hai B. Ba triệu ba nghìn không trăm linh ba
C. Ba mươi triệu ba trăm linh ba D. Ba mươi triệu ba nghìn không trăm linh hai

Câu 2) $\frac{1}{5}$ giờ =phút. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 10 B. 12 C. 15 D. 20

Câu 3) Hình chữ nhật có chiều rộng là 4dm và chiều dài là 6dm thì chu vi là:

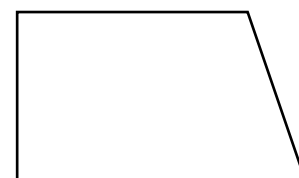
- A. 24 dm B. 24 cm C. 20dm D. 20cm

Câu 4) Cạnh hình vuông là 5cm thì diện tích hình vuông là:

- A. 30 cm² B. 20cm² C. 15cm² D. 25cm²

Câu 5) Hình tứ giác bên có:

- A. Hai góc vuông, một góc nhọn và một góc tù
B. Hai góc vuông và hai góc nhọn
C. Hai góc vuông và hai góc tù
D. Ba góc vuông và một góc nhọn



Câu 6) 2 tấn 9 yến =kg. Số cần điền vào chỗ chấm là

- A. 2009 B. 2090 C. 2900 D. 209

Câu 7) Giá trị của chữ số 4 trong số 1 094 570 là:

- A. 40 B. 400 C. 4000 D. 40000

Câu 8) Trung bình cộng của 96; 121 và 143 là:

- A. 18 B. 180 C. 210 D. 120

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính.

a) 296809 + 652411	b) 70090 - 1998	c) 459 × 305	d) 855: 45
.....			
.....			...
.	.	.	
.....			.
.	.	.	
.....			.
.		.	
.....	.		.
.	.	.	
			.

Bài 2. (1 điểm): Tìm x biết: $x - 659 = 1201$

Bài 3. (2,5 điểm) Tổng số tuổi của hai mẹ con là 46 tuổi. Mẹ hơn con 28 tuổi. Hỏi con bao nhiêu tuổi? Mẹ bao nhiêu tuổi?

Bài 4. (0,5 điểm): Một bạn nhân một số với 12. Vì đặt các tích riêng thẳng cột nên được tích sai là 60. Tìm tích đúng.

[illegible]

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN

NĂM HỌC: 2015- 2016

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Mỗi câu đúng 0,5 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8
B	B	C	D	A	B	C	D

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (2 điểm)

- Mỗi bài đúng đạt 0,5 điểm

- Đặt tính đúng 0,25 điểm

- Tính đúng 0,25 điểm

Kết quả là:

a) 949220

b) 68092

c) 139995

d) 19

Bài 2. (1 điểm) Tìm x biết:

$$x - 659 = 1201$$

$$x = 1201 + 659 \quad (0,5 \text{ điểm})$$

$$x = 1860 \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Bài 3. (2 điểm) - Mỗi lời giải đúng đạt 0, 25 điểm

- Mỗi phép tính đúng đạt 0,75 điểm

- Đáp số đúng 0,5 điểm

Giải

Tuổi con là:

$$(46 - 28) : 2 = 9 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi mẹ là:

$$9 + 28 = 37 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 9 tuổi và 37 tuổi

Bài 4) (0,5 điểm)

- Mỗi bước giải đúng đạt 0,25 điểm

Giải

Thừa số chưa biết là:

$$60 : (1+2) = 20$$

Tích đúng là:

$$12 \times 20 = 240$$

Đáp số: 240

Lưu ý: Các cách giải đúng đều đạt điểm tối đa.

ĐỀ 19**Bài 1.** Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.

(1,0 đ)

Đọc số	Viết số	Số gồm
Sáu trăm linh bốn nghìn hai trăm ba mươi một.		
.....		3 chục nghìn, 2 nghìn, 6 trăm và 2 đơn vị.

Bài 2. Nối số trong hình tròn vào hình chữ nhật để được câu đúng.

(1,0 đ)

41 202

Chia hết cho 5

69 075

52 080

Chia hết cho 9

91053

Câu 3: $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$

(0.5đ)

A. 102

B. 1002

C. 1020

D. 1200

Câu 4: $357 \text{ tạ} + 43 \text{ tạ} = \dots ?$

(0.5đ)

A. 787.

B. 390 tạ.

C. 400 tạ.

D. 4000 tạ.

Câu 5. Hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng 6 m. Diện tích hình đó là:

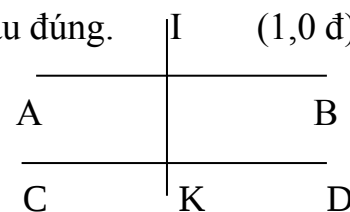
(0.5đ)

A. 14 m^2 B. 20 m^2 C. 28 m^2 D. 48 m^2 **Bài 6.** Cho hình bên. Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu đúng.

(1,0 đ)

a. Cạnh vuông góc với cạnh và

b. Cạnh song song với cạnh

**Bài 7.** Đặt tính rồi tính:

(2,0 điểm)

a. $646372 + 191275$ b. $97988 - 58437$ c. 126×312 d. $4896 : 72$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8. Tìm y: $y \times 32 = 736$ (1,0 đ)

.....

Bài 9: Tuổi của mẹ và tuổi của con cộng lại là 57 tuổi. Mẹ hơn con 33 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi? (2,0 đ)

.....

Bài 10: Số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau, chữ số hàng trăm là chữ số 5 mà số đó vừa chia hết cho 2 và vừa chia hết cho 5. Số đó là. (0,5 đ)

A. 9 580 B. 9 508 C. 9 805 D. 9 850

Trường: Tiểu học Giao Hòa.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: TOÁN 4

Lớp: 4.

Năm học: 2017 - 2018

Họ và tên học sinh:

Thời gian: 40 phút (không kể phát đề)

..

Giáo viên coi thi (Ký ghi rõ họ tên)	Điểm	Nhận xét của giáo viên chấm thi (Ký ghi rõ họ tên)
1.....		
2.....		

ĐỀ 20**Bài 1.** Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.

(1,0 đ)

Đọc số	Viết số	Số gồm
Bốn trăm linh sáu nghìn ba trăm hai mươi một.		
.....		2 chục nghìn, 3 nghìn, 2 trăm và 6 đơn vị.

Bài 2. Nối số trong hình tròn vào hình chữ nhật để được câu đúng.

(1,0 đ)

69 075

Chia hết cho 9

52 080

91053

Chia hết cho 5

41 202

Câu 3: $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$

(0.5đ)

A. 1200

B. 1020 cm^2 C. 1002 cm^2 D. 102 cm^2 **Câu 4:** $357 \text{ tạ} + 43 \text{ tạ} = \dots ?$

(0.5đ)

A. 4000 tạ.

B. 400 tạ.

C. 787 tạ.

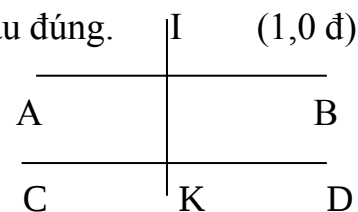
D. 390 tạ.

Câu 5. Hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng 6 m. Diện tích hình đó là:(0.5đ) A. 48 m^2 B. 28 m^2 C. 20 m^2 D. 14 m^2 **Bài 6.** Cho hình bên. Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu đúng.

(1,0 đ)

a. Cạnh vuông góc với cạnh và

b. Cạnh song song với cạnh

**Bài 7.** Đặt tính rồi tính:

(2,0 điểm)

a. $191275 + 646372$ b. $96897 - 59346$ c. 312×126 d. $4896 : 68$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8. Tìm y: $y \times 23 = 736$ (1,0 đ)

.....

.....

Bài 9: Tuổi của mẹ và tuổi của con cộng lại là 57 tuổi. Mẹ hơn con 31 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi? (2,0 đ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 10: Số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau, chữ số hàng trăm là chữ số 5 mà số đó vừa chia hết cho 2 và vừa chia hết cho 5. Số đó là. (0,5 đ)

A. 9 805

B. 9 850

C. 9 508

D. 9 580

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI KIỂM TRA TOÁN CUỐI HỌC KÌ I
KHỐI 4
Năm 2017 - 2018

Câu	Đề 19	Đề 20	Điểm
1	- 604 231. - 6 trăm nghìn, 4 nghìn, 2 trăm, 3 chục, 2 đơn vị. - Ba mươi hai nghìn sáu trăm linh hai. - 32 602.	-406 321. - 4 trăm nghìn, 6 nghìn, 3 trăm, 2 chục, 1 đơn vị. - Hai mươi ba nghìn hai trăm linh sáu. - 23 206.	0,25 0,25 0,25 0,25
2	$\begin{array}{ccc} 41\ 202 & \swarrow 5 & \leftarrow 69075 \\ & \searrow 9 & \leftarrow 91\ 053 \\ 52\ 080 & & \end{array}$	$\begin{array}{ccc} 69\ 075 & \swarrow 9 & \leftarrow 52\ 080 \\ & \searrow 5 & \leftarrow 41\ 202 \\ 91\ 053 & & \end{array}$	0,50 0,50
3	- B. 1 002	- C. 1 002	0,50
4	- C. 400 tạ	- B. 400 tạ	0,50
5	- D. 48 m ²	- A. 48 m ²	0,50

6	a. Cạnh IK vuông góc với cạnh AB và CD. b. Cạnh AB song song với cạnh CD.	a. Cạnh IK vuông góc với cạnh AB và CD. b. Cạnh AB song song với cạnh CD.	0,50 0,50
7	a. $191\,275 + 646\,372 = 837\,647$ b. $97\,988 - 58\,437 = 39\,551$ c. $126 \times 312 = 39\,312$ d. $4\,896 : 72 = 68$	a. $646\,372 + 191\,275 = 837\,647$ b. $96897 - 59346 = 37\,551$ c. $312 \times 126 = 39\,312$ d. $4\,896 : 68 = 72$	0,50 0,50 0,50 0,50
8	$y \times 32 = 736$ $y = 736 : 32$ $y = 23$	$y \times 23 = 736$ $y = 736 : 23$ $y = 32$	0,50 0,50
9	Tuổi con: $(57 - 33) : 2 = 12$ (tuổi) Tuổi mẹ $57 - 12 = 45$ (tuổi) $33 + 12 = 45$ (tuổi) } Đáp số: con 12 tuổi. mẹ 45 tuổi - Học sinh có thể làm cách khác	Tuổi con: $(57 - 31) : 2 = 13$ (tuổi) Tuổi mẹ $57 - 13 = 44$ (tuổi) $31 + 13 = 44$ (tuổi) } Đáp số: con 13 tuổi. mẹ 44 tuổi - Học sinh có thể làm cách khác	0,25 0,50 0,25 0,50 0,25 0,25
10	- A. 9 580	- D. 9 850	0,50
TC			10,0

ĐỀ 21

A/ ĐỀ THI

I– Trắc nghiệm: 6 (đ)

Câu 1: Cho $a = 8264$; $b = 1459$ (1 đ)

A. Thì giá trị biểu thức: $a + b = ?$

A – 6805

B – 1459

C – 8264

D – 9723

B. Thì giá trị biểu thức : $a - b = ?$

A – 6805

B – 1459

C – 8264

D – 9723

Câu 2: Viết dấu thích hợp vào ô trống : (1 đ)

A. $234 \times (1257 - 257) = 234 \square 1257 \square 234 \square 257$

B. $135 \times 80 + 20 \times 135 = 135 \square (80 \square 20)$

Câu 3: (1 đ)Viết số thích hợp vào ô trống :

$$\begin{array}{r}
 \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline 5 & & 3 & 9 \\ \hline \end{array} \\
 + \\
 \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline \end{array} \\
 \hline
 \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & 5 & 9 & 3 & 8 \\ \hline \end{array}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline \end{array} \\
 \times \quad \begin{array}{|c|} \hline 3 \\ \hline \end{array} \\
 \hline
 \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline 2 & 6 & 3 & 7 \\ \hline \end{array}
 \end{array}$$

Câu 4 : (1 đ) Cho tam giác ABC
(như hình vẽ)

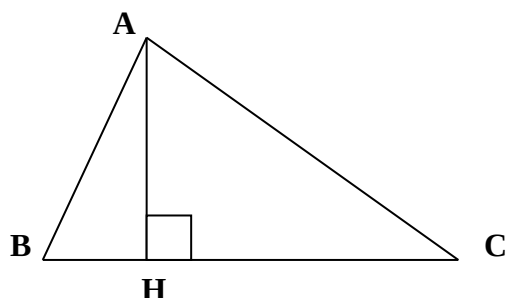
Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống

a) Đoạn thẳng vuông góc

với BC là: _____

b) Vẽ thêm một cạnh song song

với cạnh BC



Câu 5 : Đúng ghi Đ; sai ghi S (1 đ)

A – $a + b = b + a$

--

B –	$a + b = b + a$	
C –	$a \times b = b \times a$	
D –	$a \times b + a \times c = a \times (b + c)$	

Câu 6 : Nối cột A với cột B cho phù hợp (1 đ)

A	210 cm ²	15 m ²	500cm ²	20 000 cm ²
---	---------------------	-------------------	--------------------	------------------------

B	2 m ²	2 dm ² 10 cm ²	150 000 cm ²	50 dm ²
---	------------------	--------------------------------------	-------------------------	--------------------

II – Tự luận: 4 (đ)

Câu 7: Tính (2 đ)

A. $\begin{array}{r} + \quad 3\,7\,6\,4\,8 \\ 4\,2\,4\,9\,1 \\ \hline \end{array}$	B. $\begin{array}{r} - \quad 9\,4\,7\,6\,5 \\ 6\,4\,8\,3\,6 \\ \hline \end{array}$	C. $\begin{array}{r} \times \quad 1309 \\ 23 \\ \hline \end{array}$	D. $\begin{array}{r} 1695 \overline{) 5} \\ \hline \end{array}$

Câu 8: Hiện nay hai chị em của Lan và Hoa có chung 21 tuổi. Biết Lan hơn Hoa 3 tuổi. Tìm tuổi của mỗi người hiện nay? (2đ)

B/ ĐÁP ÁN TOÁN**I– Trắc nghiệm: (6 đ)**

Câu	1 (1 đ)		2 (1 đ)	
Đáp án	D	A	A. $234 \times 1257 - 234 \times 257$	B. $135 \times (80 + 20)$
Điểm	(0, 5 đ)	(0, 5 đ)	(0, 5 đ)	(0, 5 đ)

Câu	3	4	
Đáp án	879	B– AH	đỉnh <u>H</u> ; cạnh <u>HB</u> , <u>HC</u>
Điểm	(0, 5 đ)	(0, 5 đ)	(1 đ)

Câu 5	A.	B.	C.	D.
Đáp án	Đ	S	S	Đ
Điểm	(0, 25 đ)	(0, 25 đ)	(0, 25 đ)	(0, 25 đ)

Câu 6			
Đáp án	$210 \text{ cm}^2 = 2 \text{ dm}^2 10 \text{ cm}^2$	15 m^2	$150\,000 \text{ cm}^2$
Điểm	(0, 25 đ)	(0, 25 đ)	
Đáp án	$500 \text{ cm}^2 = 50 \text{ dm}^2$	$20\,000 \text{ cm}^2 = 2 \text{ m}^2$	
Điểm	(0, 25 đ)	(0, 25 đ)	

II– Tự luận: 4(đ)**Câu 7: Tính (2 đ)**

Câu 8	A	B	C	D
Đáp án	80139	29929	30107	13008
Điểm	(0, 5 đ)	(0, 5 đ)	(0, 5 đ)	(0, 5 đ)

Câu 8: (2đ)

Tuổi của Hoa: (0, 25 đ)
 $(21 - 3) : 2 = 9$ (tuổi) (0, 5 đ)
 Tuổi của Lan: (0, 25 đ)
 $21 - 9 = 12$ (tuổi) (0, 5 đ)
 Đáp số: Hoa 9 tuổi (0, 5 đ)
 Lan 12 tuổi

[illegible]

2. Khoanh vào b, 1 điểm
3. Khoanh vào c, 1 điểm
4. Khoanh vào c: Hai góc vuông, một góc nhọn và một góc tù, 1 điểm

II. PHẦN VẬN DỤNG VÀ TỰ LUẬN: (6 điểm)

1. Đặt tính rồi tính: (2,0 điểm)

$$\begin{array}{r}
 450370 \\
 + \quad 6025 \quad (0,5) \\
 \hline
 456395
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 546327 \\
 - \quad 30839 \quad (0,5) \\
 \hline
 515488
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 3124 \\
 \times \quad 2 \quad (0,5) \\
 \hline
 6248
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 31628 \\
 036 \overline{) 7907} \\
 \underline{028} \\
 0
 \end{array}$$

(0,5)

2. Điền vào chỗ trống: (1,0 điểm) Đúng mỗi ý được 0,25 điểm

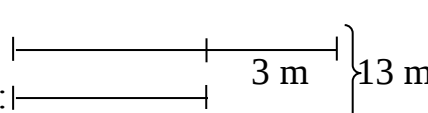
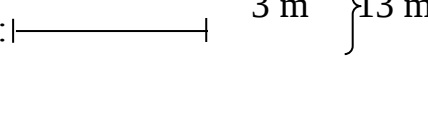
$$210 \text{ m}^2 = 21000 \text{ dm}^2$$

$$13 \text{ dm}^2 \ 29 \text{ cm}^2 = 1329 \text{ cm}^2$$

$$2500 \text{ kg} = 25 \text{ tạ}$$

$$4 \text{ giờ } 25 \text{ phút} = 265 \text{ phút}$$

3. Bài toán: (1,0 điểm)

<u>Tóm tắt:</u>	<u>Bài giải:</u>
Chiều dài:  Chiều rộng:  } 13 m	Chiều dài căn phòng hình chữ nhật là: $(13 + 3) : 2 = 8 \text{ (m)}$ (0,25đ) Chiều rộng căn phòng hình chữ nhật là: $8 - 3 = 5 \text{ (m)}$ (0,25đ) Diện tích căn phòng là: $8 \times 5 = 40 \text{ m}^2$ (0,25đ) Đáp số: 40m ²
(0,25đ)	

4. Bài toán: (2,0 điểm)

Bài giải:

Tổng hai số là: $50 \times 2 = 100$ (0,5đ)

Số thứ nhất là $(100 - 8) : 2 = 46$ (0,5đ)

Số thứ hai là: $100 - 46 = 54$ (0,5đ)

Đáp số: (0,5đ)

Số thứ nhất 46

Số thứ hai 54

ĐỀ 23

PHẦN I: Trắc nghiệm

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: (M1) Kết quả của phép nhân 62×11 là ?

- A. 622 B. 662 C. 682 D. 124

Câu 2: : (M1) Kết quả của phép tính $320 : 40$ là:

- A. 6 B. 8 C. 7 D. 9

Câu 3: (M2) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm: $5\text{ tạ } 12\text{kg} = \dots \text{kg}$ là:

- A. 512 B. 5120 C. 5102 D. 5012

Câu 4: (M3) Cho $x + 462 = 850$. Giá trị của x là :

- A. 488 B. 388 C. 588 D. 688

Câu 5: (M2) $2\text{m } 5\text{cm} = \dots \text{cm}$.

- A. 250 B. 205 C. 25 D. 2500

Câu 6: (M3) Với $a = 5$, $b = 105$ thì biểu thức $256 + b - 3 \times a$ có giá trị là:

- A. 364 B. 1790 C. 562 D. 346

PHẦN II : Tự luận

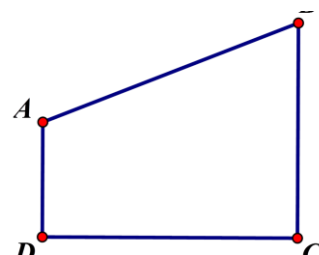
Bài 1: (M1) Đặt tính rồi tính:

- a) $51046 + 2529$
 $2520 : 12$

[illegible]

Bài 2 : (M2) Trong hình bên có:
B

- a) Cạnhsong song với cạnh
- b) Góc nhọn là góc
- c) Góc tù là góc



Bài 3 : (M3) Năm học 2017 - 2018 , Lớp 4A₁ có 32 học sinh, lớp 4A₃ có ít hơn lớp 4A₁ là 4 học sinh. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh ?

Bài giải

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

Bài 4 : (M4) Tính bằng cách thuận tiện nhất:
 $25 \times 150 \times 8$

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Môn: Toán
Năm học 2017 - 2018

PHẦN I : Trắc nghiệm (6 điểm)

- Câu 1 : Khoanh vào C. 682 (0,5 điểm)
Câu 2 : Khoanh vào B. 8. (0,5 điểm)
Câu 3 : Khoanh vào A. 512 (1 điểm)
Câu 4 : Khoanh vào B. 388 (1 điểm)
Câu 5 : Khoanh vào B. 205 (1 điểm)
Câu 6 : Khoanh vào D. 346 (1 điểm)

PHẦN II : Tự luận (4 điểm)

Bài 1 (2 đ): *(Đặt tính và tính đúng mỗi câu : (0,25 điểm)*

Bài 2 (1 đ) :

Trong hình bên có:

- a) Cạnh AD song song với cạnh BC
b) Góc nhọn là góc B (hoặc ABC)
Góc tù là góc A (hoặc DAB)

Bài 3 (1đ) :

Bài giải

Lớp 4A3 có số học sinh là : (0,25 điểm)
 $32 - 4 = 28$ (học sinh) (0,25 điểm)
Trung bình mỗi lớp có số học sinh là: (0,25 điểm)

$$(32 + 28) : 2 = 30 \text{ (học sinh)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Đáp số: 30 học sinh

Bài 4 (1 đ) :

Bài giải

$$\begin{aligned} 25 \times 150 \times 8 &= 25 \times 150 \times 2 \times 4 && (0,25\text{đ}) \\ &= (25 \times 4) \times (150 \times 2) && (0,25\text{đ}) \\ &= 100 \times 300 && (0,25\text{đ}) \\ &= 30000 && (0,25\text{đ}) \end{aligned}$$

ĐỀ 24

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo
------	--

A/ PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng của các câu sau.****Câu 1:** (1đ) Trong các số 5 784; 6874; 6 784 số lớn nhất là: (M1)

- A. 5785 B. 6 784 C. 6 874

Câu 2: (1đ) Số: Hai mươi ba triệu chín trăm mười; được viết là: (M1)

- A. 23 910 B. 23 000 910 C. 23 0910 000

Câu 3: (1đ) Giá trị của chữ số 3 trong số 653 297 là: (M1)

- A. 30 000 B. 3000 C. 300

Câu 4: (0.5đ) $10 \text{ dcm}^2 \cdot 2 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$ (M2)

- A.
- 1002 cm^2
- B.
- 102 cm^2
- C.
- 120 cm^2

Câu 5: (0.5đ) $357 \text{ tạ} + 482 \text{ tạ} = \dots ?$ (M1)

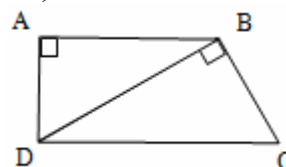
- A/ 839 B/ 739 tạ C/ 839 tạ

Câu 6: (0.5đ) Chu vi của hình vuông là 16m thì diện tích sẽ là: (M3)

- A. 16m B.
- 16 m^2
- C. 32 m

Câu 7: (0.5đ) Hình bên có các cặp cạnh vuông góc là: (M3)AB $\perp$ AD; BD $\perp$ BC.BA $\perp$ BC; DB $\perp$ DC.

AB và AD; BD và BC; DA và DC.

**B/ PHẦN KIỂM TRA TỰ LUẬN (5 điểm)****Bài 1:** (2 điểm) Đặt tính rồi tính: (M1; M2)

- a.
- $186\,954 + 247\,436$
- b.
- $839\,084 - 246\,937$
- c.
- 428×39
- d.
- $4935 : 44$

Bài 2: (2 điểm) Tuổi của mẹ và tuổi của con cộng lại là 57 tuổi. Mẹ hơn con 33 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi? (M2)**Bài 3:** (1 điểm) Tìm số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau, chữ số hàng trăm là chữ số 5 mà số đó vừa chia hết cho 2 và vừa chia hết cho 5? (M4)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CUỐI KÌ 1 MÔN TOÁN LỚP 4
Năm học 2017 - 2018

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

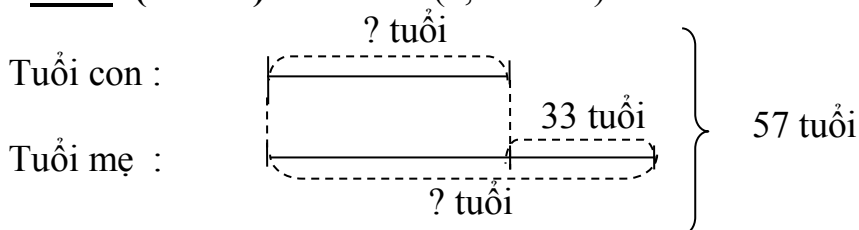
- Câu 1: đáp án C (1 điểm)
 Câu 2: đáp án B (1 điểm)
 Câu 3: đáp án B (1 điểm)
 Câu 4: đáp án A (1 điểm)
 Câu 5: đáp án C (0.5 điểm)
 Câu 6: đáp án B (0.5 điểm)
 Câu 7: đáp án C (0.5 điểm)

B. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính: (M1; M2)

$\begin{array}{r} 186\,954 + 247\,436 \\ 652\,834 \\ 34 \\ \hline 196\,247 \\ 112 \\ \hline 849\,081 \end{array}$	$\begin{array}{r} 839\,084 - 246\,937 \\ 729\,684 \\ \hline 384\,928 \\ 344\,756 \end{array}$	$\begin{array}{r} 428 \times 39 \\ 428 \\ \hline 39 \\ \hline 16692 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4935 : 44 \\ \hline 4935 \\ \hline 53 \\ 95 \\ 7 \end{array}$
---	---	--	---

Bài 2: (2 điểm): Tóm tắt (0,25 điểm):



Bài giải

Tuổi của mẹ là:

$(57 + 33) : 2 = 45 \text{ (tuổi)}$

Tuổi của con là:

$(57 - 33) : 2 = 12 \text{ (tuổi)}. \text{ Hoặc: } 45 - 33 = 12 \text{ (tuổi)}. \text{ Hoặc: } 57 - 35 = 12 \text{ (tuổi)}$

Đáp số: **Mẹ: 45 tuổi; Con: 12 tuổi**

Bài 3: (2 điểm).

Số đó là: 9580

ĐỀ 25

1. Đặt tính rồi tính:

a) $54\,172 \times 3$ b) 276×412 c) 23×46

d) 385×200 e) 83×11 f) 960×70

2. Tính nhẩm:

a) $2005 \times 10 =$ b) $6700 \times 10 : 100 =$

c) $358 \times 1000 =$ d) $80\,000 : 10\,000 \times 10 =$

3. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $4 \times 21 \times 25$ c) $607 \times 92 + 607 \times 8$

b) $63 \times 178 - 53 \times 178$ d) $8 \times 4 \times 25 \times 125$.

4. Đặt tính rồi tính:

a) $9090 : 88$ b) $48\,675 : 234$

c) $6726 : 177$ d) $209\,600 : 400$

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

• $1300\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$ • $13\text{dm}^2\,5\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

• $500\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$ • $5308\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $9\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$ • $3\text{m}^2\,6\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $4\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$ • $8791\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 \dots\dots\dots \text{dm}^2$

6. Một cái sân hình chữ nhật có chu vi 108m và có chiều rộng là 18m. Tính diện tích cái sân đó.

7. May mỗi bộ quần áo cần có 3m 50cm vải. Hỏi:

a. May 82 bộ quần áo như thế cần có bao nhiêu mét vải?

b. Có 49m vải thì may được bao nhiêu bộ quần áo như thế?

ĐÁP ÁN ĐỀ 25

Câu 1

a) $54172 \times 3 = 162516$

b) $276 \times 412 = 113712$

c) $23 \times 46 = 1058$

d) $385 \times 200 = 77000$

e) $83 \times 11 = 913$

f) $960 \times 70 = 67200$

Câu 2

a) $2005 \times 10 = 20050$

b) $6700 \times 10 : 100 = 670$

c) $358 \times 1000 = 358000$

d) $80000 : 10000 \times 10 = 80$

Câu 3

a) $4 \times 21 \times 25 = (4 \times 25) \times 21 = 100 \times 21 = 2100$

b) $63 \times 178 - 53 \times 178 = (63 - 53) \times 178 = 10 \times 178 = 1780$

c) $607 \times 92 + 607 \times 8 = 607 \times (92 + 8) = 607 \times 100 = 60700$

d) $8 \times 4 \times 25 \times 125 = (125 \times 8) \times (4 \times 25) = 1000 \times 100 = 100000$

Câu 4. Đặt tính đúng mỗi câu được 0,25

a) $9090:88=103$ (dư 26)

c) $6726:177=38$

b) $48675:234=208$ (dư 3)

d) $209600:400=524$

Câu 5.

$1300\text{cm}^2 = 13\text{dm}^2$

$13\text{dm}^2 5\text{cm}^2 = 1305\text{cm}^2$

$500\text{cm}^2 = 5\text{dm}^2$

$5308\text{dm}^2 = 53\text{m}^2 8\text{dm}^2$

$9\text{m}^2 = 900\text{dm}^2$

$3\text{m}^2 6\text{dm}^2 = 306\text{dm}^2$

$4\text{dm}^2 = 400\text{cm}^2$

$8791\text{dm}^2 = 87\text{m}^2 91\text{dm}^2$

Câu 6

Chiều dài cái sân là: $(108+18):2 = 63$ (m)

Chiều rộng cái sân là: $108 - 63 = 45$ (m)

Diện tích cái sân là: $63 \times 45 = 2835$ (m²) Đáp số : 2835 m²

Câu 7

$3\text{ m } 50\text{ cm} = 350\text{ cm}$

a) May 82 bộ quần áo cần: $350 \times 82 = 28700$ (cm) = 287 (m)

b) $49\text{ m} = 4900\text{ cm}$

Số bộ quần áo 49 m may được là: $4900 : 350 = 14$ (bộ)

Đáp số: a) 287 m

b) 14 bộ

ĐỀ 26

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM: 3 điểm (Mỗi câu 0,25 điểm)

*** Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:**

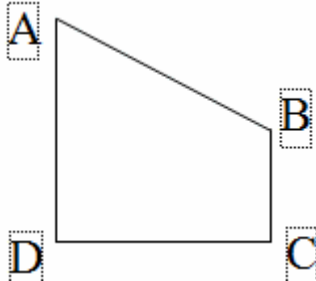
Câu 1: Số gồm có: Sáu mươi triệu, ba mươi nghìn và hai mươi viết là:

- A. 60300200 B. 60030020 C. 60300020 D. 60030200.

Câu 2: Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $2\text{dm}^2 4\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$ là:

- A. 2400 B. 240 C. 24 D. 204

Câu 3: Hình bên có cặp cạnh song song với nhau là:



- A. AD song song với BC
B. AD song song với DC
C. AB song song với DC
D. AB song song với BC

Câu 4: Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $6 \text{ tấn } 10\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$ là:

- A. 610 B. 6010 C. 6100 D. 61

Câu 5: Số nào vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 ?

- A. 1205 B. 3412 C. 5000 D. 2864

Câu 6: Trung bình cộng của 36; 42 và 57 là ?

- A. 35 B. 405 C. 145 D. 45

PHẦN II: TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a. $1988 : 14$

c. $104562 + 458273$

.....
.....
.....
.....
.....

b. 125×123

d. $693450 - 168137$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: (2 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a. $4 \times 378 \times 25$

b. $214 \times 53 - 214 \times 43$

.....
.....
.....
.....

Bài 3: (2 điểm)

Một sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là 96m. Chiều dài hơn chiều rộng 12m. Tính diện tích sân trường đó?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: (1điểm) Tìm số bị chia và số chia bé nhất để phép chia đó có thương là 123 và số dư là 44.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm

1.B 2.D 3.A 4.B 5.C 6.D

II. Tự luận

1. Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) $1988:14 = 142$

b) $125 \times 123 = 15375$

c) $104562 + 458273 = 562835$

d) $693450 - 168137 = 525313$

2. Mỗi câu đúng được 1 điểm

a) $4378 \times 25 = 2189 \times 2 \times 5 \times 5 = (2189 \times 5) \times (2 \times 5) = 10945 \times 10 = 109450$

b) $214 \times 53 - 214 \times 43 = 214 \times (53 - 43) = 214 \times 10 = 2140$

Bài 3

Giải

Chiều dài sân trường là : $(96 + 12) : 2 = 54$ (m)

Chiều rộng sân trường là: $96 - 54 = 42$ (m)

Diện tích sân trường là: $54 \times 42 = 2268$ (m²)

Đáp số: 2268 m²

Bài 4. Vì số dư là 44, nên số chia bé nhất là 45

Do đó số bị chia là: $123 \times 45 + 44 = 5579$

ĐỀ 27

Câu 1: Đặt tính rồi tính

- a) $521897 + 59656$ b) $941465 - 268957$ c) 307×159 d) $8008 : 22$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng.

- a) Trung bình cộng của hai số là 36. Số lớn là 37 thì số bé là:

A. 34 B. 35 C. 53

- b) 7 tấn 1kg = kg

A. 7010 B. 7001 C. 7100

- c) $45\text{dm}^2 \ 3 \text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

A. 5043 B. 4530 C. 4053 D. 4503

- d) Trong các số sau số nào vừa chia hết cho 5, vừa chia hết cho 2?

A. 3750 B. 4866 C. 5974 D. 1278

Câu 3: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

- a) Tìm số tròn chục x biết: $41 < x < 75$, x là:

- b) 5 giờ 36 phút = phút

- c) Hai số có tổng là 45 hiệu là 9. Số lớn sẽ là

- d) Giá trị của biểu thức: $679 \times 85 + 679 \times 15$ là:

.....

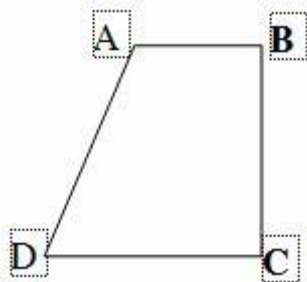
.....

.....

.....

.....

Câu 4: Cho hình tứ giác ABCD như hình vẽ.



- a) Hình tứ giác ABCD có góc tù góc vuông

- b) Đoạn thẳng AB vuông góc với đoạn thẳng

c) Hai đoạn thẳng nào song song với nhau.....

Câu 5: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 90, chiều dài hơn chiều rộng 21 m. Tính diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Tính nhanh

$$1237 \times 12 + 1237 \times 34 + 1237 \times 53$$

$$1+2+3+4+5+6+7+8+9$$

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 27

Câu 1. Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) $521897 + 59656 = 581553$

b) $941465 - 268957 = 672508$

c) $307 \times 159 = 48813$

d) $8008 : 22 = 364$

Câu 2. .a.B b.B c.C d.A

Câu 3. .a) $x = 50; 60; 70$

b) 336 phút

c) 27

d) $679 \times 85 + 679 \times 15 = 679 \times (85 + 15) = 679 \times 100 = 67900$

Câu 4

a) 1 góc tù, 2 góc vuông

b) Đoạn thẳng AB vuông góc với đoạn thẳng BC

c) Đoạn thẳng AB và đoạn thẳng CD song song

Câu 5:

Nửa chu vi mảnh vườn là: $90 : 2 = 45$ (m)

Chiều dài mảnh vườn là: $(45 + 21) : 2 = 33$ (m)

Chiều rộng mảnh vườn là: $45 - 33 = 12$ (m)

Diện tích mảnh vườn là: $33 \times 12 = 396$ (m²)

Đáp số : 396 m²

Câu 6

a) $1237 \times 12 + 1237 \times 34 + 1237 + 1237 \times 53$

$= 1237 \times (12 + 34 + 1 + 53)$

$= 1237 \times 100 = 123700$

b) $1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9$

$= (1 + 9) + (2 + 8) + (3 + 7) + (4 + 6) + 5$

$= 10 + 10 + 10 + 10 + 5$

$= 40 + 5 = 45$

ĐỀ 28

A- Phần trắc nghiệm: (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái a,b,c,d có câu trả lời đúng nhất.

Bài 1: (1 điểm) Số 7635672 được đọc là:

- a. Bảy triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- b. Bảy triệu sáu trăm ba lăm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- c. Bảy triệu sáu trăm nghìn ba mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- d. Bảy triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu bảy hai.

Bài 2: (1 điểm) . Có bao nhiêu số có 3 chữ số mà mỗi chữ số của số đó đều giống nhau?

- a. 7
- b. 8
- c. 9
- d. 1

Bài 3: (1 điểm) . 1 tấn =kg

- a. 100
- b. 1000
- c. 10000
- d. 10

Bài 4: (1 điểm) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: $101113 > 1011...3$

- a. 0
- b. 1
- c. 2
- d. 3

B- Phần tự luận : (6 điểm)

Bài 5: (1 điểm) Viết số biết số đó gồm:

- a) 8 mươi triệu, 7 trăm nghìn , 6 nghìn , 5 trăm , 4 đơn vị :
- b. 14 triệu, 6 trăm nghìn, 3 trăm , 4 chục :

Bài 6: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a. $9876402 + 1285694$

b. $649072 - 178526$

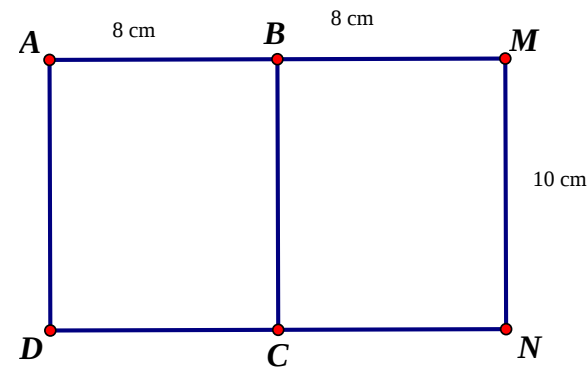
.....
.....
.....

c. 1334×376

d. $5867 : 17$

.....
.....

.....



- a) Đoạn thẳng AM vuông góc với các đoạn thẳng.....
- b) Diện tích hình chữ nhật AMND.....

Bài 8: (2 điểm) Một ô tô 2 giờ đầu chạy được 60 km, 3 giờ sau chạy được 90 km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô chạy được bao nhiêu km?

[illegible]

ĐÁP ÁN ĐỀ 28

A.TRẮC NGHIỆM 1.A 2C 3B 4A

B.TỰ LUẬN

5) a) 80 706 504 b) 14 600 340

6) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) $9876402 + 1285694 = 11162096$

b) $649072 - 178526 = 470\,546$

c) $1334 \times 376 = 501\,584$

d) $5867 : 17 = 345$ (dư 22)

Câu 7.

a) Đoạn thẳng AM vuông góc với đoạn thẳng : AD; BC ; MN

b) Diện tích hình AMND là: $16 \times 10 = 160 \text{ (cm}^2\text{)}$

Câu 8.

Số kilomet ô tô chạy trong 2 giờ đầu là : $60 \times 2 = 120 \text{ (km)}$

Số kilomet ô tô chạy trong 3 giờ sau là: $90 \times 3 = 270 \text{ (km)}$

Số kilomet ô tô chạy tổng cộng là : $120 + 270 = 390 \text{ (km)}$

Số kilomet trung bình mỗi giờ ô tô chạy là: $390 : 5 = 78 \text{ (km)}$

Đáp số: 78 km.

ĐỀ 29

I, **Trắc nghiệm** : Chọn và ghi lại chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1:(0.5 điểm) Số Năm mươi lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn sáu trăm được viết là :

- A. 55 070 060 B. 55 070 600
C. 55 700 600 D. 505 070 600

Câu 2: (0.5 điểm) Chữ số 5 trong số 5 387 964 thuộc hàng nào, lớp nào?

- A. Hàng triệu, lớp triệu. B. Hàng triệu, lớp nghìn.
C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn. D. Hàng chục nghìn, lớp nghìn.

Câu 3 : (0.5 điểm) Trong các số sau số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 là:

- A. 450 B. 405 C. 504 D. 545

Câu 4: (0.5 điểm) Giá trị của biểu thức $(m + n) \times 2$, với $m = 15$; $n = 25$ là :

- A. 50 B. 60 C. 70 D. 80

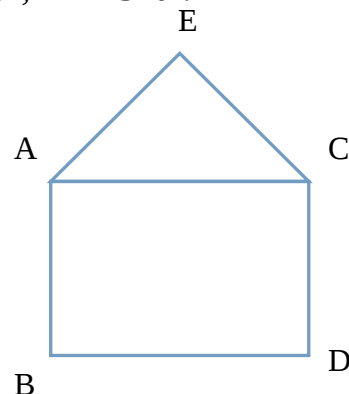
Câu 5: Hình vẽ bên có :

a, (0.5 điểm) Cạnh AC song song với

- A. Cạnh AB. B. Cạnh BD.
C. Cạnh CD. D. Cạnh EC.

b, (0.5 điểm) Cạnh AC vuông góc với những cạnh nào?

- A. Cạnh AB và cạnh BD. B. Cạnh BD và cạnh CD.
C. Cạnh AB và cạnh CD. D. Cạnh AE và cạnh CE.



Câu 6: Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a,(0.5 điểm) 2 tấn 15kg =kg?

b, (0.5 điểm) Bác Hồ sinh năm 1890 thuộc thế kỷ Tính đến nay là năm.

II. TỰ LUẬN (6điểm)

Câu 7: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 465×102

b) $5282 : 25$

Câu 8: (1 điểm) Tìm số trung bình cộng của 45; 87 và 33.

Câu 9: (2 điểm) Một trường tiểu học có 472 học sinh, số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là 22 em. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nữ, bao nhiêu học sinh nam?

Câu 10: (1 điểm) Tính thuận tiện:

a, $12345 \times 17 + 24 \times 12345 - 12345$.

b, Tìm y :

$$40 \times y - y = 1950 : 25$$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 29

I. Phần trắc nghiệm : (4 điểm)

Câu 1. B -0,5	Câu 5. a, B- 0,5 b, C- 0,5
Câu 2. A- 0,5	Câu 6. a, 2015 - 0,5 b, XIX, 127 – 0,5
Câu 3. A- 0,5	
Câu 4. D- 0,5	

II. Phần tự luận: (5 điểm)

Câu 7: Mỗi phép tính đúng được 1 điểm. Đặt tính đúng 0,5đ

Câu 8: 0,25đ Số trung bình cộng của 45; 87 và 33 là:

$$0,75đ \quad (45 + 87 + 33) : 3 = 55$$

Câu 9: tóm tắt 0,25đ

Bài giải:

Hai lần số học sinh nữ là: (0.25 đ)

$$(472 + 22) : 2 = 247 \text{ (học sinh)} \quad (0.5 \text{ đ})$$

Số học sinh nam là: (0.25 đ)

$$472 - 277 = 225 \text{ (học sinh)} \quad (0.5đ)$$

Đáp số: 247 học sinh nữ

225 học sinh nam (0.25 đ)

(HS có thể làm cách khác cũng cho điểm tối đa)

Câu 10: Tính nhanh:

$$12345 \times 77 + 22 \times 12345 - 12345$$

$$= 12345 \times 77 + 24 \times 12345 - 12345 \times 1 \quad (0.1 \text{ đ})$$

$$= 12345 \times (77 + 24 - 1) \quad (0.2 \text{ đ})$$

$$= 12345 \times 100 \quad (0.1 \text{ đ})$$

$$= 1234500 \quad (0.1 \text{ đ})$$

b, Tìm y :

$$40 \times y - y = 1950 : 25$$

$$40 \times y - 1 \times y = 78 \quad 0,1$$

$$(40 - 1) \times y = 78 \quad 0,1 \text{ đ}$$

$$39 \times y = 78 \quad 0,1 \text{ đ}$$

$$y = 78 : 39 \quad 0,1 \text{ đ}$$

$$y = 2 \quad 0,1 \text{ đ}$$

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Bài 1 (4 điểm): Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng cho mỗi ý sau:

a/ Số gồm năm mươi triệu, bảy mươi nghìn và năm mươi viết là

- A. 50 700 050 B. 505 030 C. 50 070 050 D. 50 070 030

b/ Giá trị của số 5 trong số 712 537 628 là:

- A. 50 000 B. 50 000 000 C. 5 000 000 D. 500 000

c/ Tổng hai số là 25, hiệu hai số là 3. Vậy số bé là:

- A. 14 B. 13 C. 12 D. 11

d/ Số nào sau đây chia hết cho cả 3 và 5?

- A. 45 B. 54 C. 25 D. 50

Bài 2 (1 điểm): Một lớp học có 35 học sinh, trong đó có $\frac{5}{7}$ là học sinh nam. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh nữ?

- A. 11 B. 24 C. 10 D. 25

II. PHẦN TỰ LUẬN (15 điểm)

Bài 1: (2điểm) Tính giá trị của biểu thức:

$(a + b) : 2 + 5782$, biết $a = 104$, $b = 28$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2 (2 điểm): Tính nhanh:

$(6 \times 5 + 7 - 37) \times (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10)$.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3 (3 điểm): Tìm Y:

a) $1200 : 24 - (17 - Y) = 36$

b) $9 \times (Y + 5) = 729$

Bài 5 (2 điểm): Tìm số nhỏ nhất có bốn chữ số sao cho đem chia số đó cho 675 thì được số dư là số dư lớn nhất.

a, $54 \times 113 + 45 \times 113 + 113$; **b, $265 \times 236 + 265 \times 265 - 265$**

ĐÁP ÁN ĐỀ 30

I. TRẮC NGHIỆM

Bài 1. a)C b)D c)D d)A

Bài 2. C

II. TỰ LUẬN

Bài 1) Nếu $a = 104$; $b = 28$ thì

$$(a+b):2+5782=(104+28):2+5782$$

$$=132:2+5782=66+5782=5848$$

Vậy giá trị của $(a+b):2+5782$ tại $a=104$, $b=28$ là 5848.

Bài 2

$$(6 \times 5 + 7 - 37) \times (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10)$$

$$= (30 + 7 - 37) \times (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10)$$

$$= 0 \times (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10) = 0$$

Bài 3

$$a) 1200 : 24 - (17 - y) = 36$$

$$50 - (17 - y) = 36$$

$$17 - y = 50 - 36$$

$$17 - y = 14$$

$$y = 17 - 14$$

$$y = 3$$

$$9 \times (y + 5) = 729$$

$$y + 5 = 729 : 9$$

$$y + 5 = 81$$

$$y = 81 - 5$$

$$y = 76$$

Bài 4. Giả sử lớp 4A thêm 5 cây, lớp 4C bớt 8 cây. Lúc đó 3 lớp sẽ trồng số cây bằng nhau và bằng lớp 4B

Vậy số cây lớp 4B là: $(120+5-8):3=39$ (cây)

Số cây lớp 4A là: $39-5=34$ (cây)

Số cây lớp 4C là: $39+8=47$ (cây)

Đáp số: 4A: 34 cây; 4B: 39 cây ; 4C: 47 cây

Bài 5. Chia cho 675 được số dư lớn nhất thì số dư là 674. Để có số nhỏ nhất có 4 chữ số thì thương phải bằng 1.

Vậy số cần tìm là: $675 \times 1 + 674 = 1349$

Bài 6

$$54 \times 113 + 45 \times 113 + 113$$

$$= 113 \times (54 + 45 + 1)$$

$$= 113 \times 100 = 11300$$

$$b) 265 \times 236 + 265 \times 265 - 265$$

$$= 265 \times (236 + 265 - 1)$$

$$= 265 \times 500 = 132500$$

ĐỀ 31

Bài 1: (2 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a. Số 90 090 090 đọc là:

- A. Chín mươi triệu chín mươi nghìn không trăm chín mươi.
- B. Chín mươi triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm chín mươi.
- C. Chín chục triệu chín vạn không trăm chín mươi.
- D. Chín mươi triệu không trăm chín mươi nghìn chín chục

b. Số : Mười hai triệu mười hai nghìn hai trăm viết là:

- A. 12 122 000 B. 12 120 200 C. 12 012 200 D. 12 012 020

c. Số bé nhất trong các số: 234 789; 243 789; 234 879; 289 743 là:

- A. 234 789 B. 243 789 C. 234 879 D. 289 743

d. Trong các số sau, số nào chia hết cho cả 2,3 và 5?

- A. 1300 B. 1425 C. 5130 D. 4206

Bài 2: (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$50 \text{ tấn } 90 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$$

$$7 \text{ thế kỉ rưỡi} = \dots\dots\dots \text{ năm}$$

$$780000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

$$7 \text{ m}^2 \text{ } 3 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

Bài 3: (3 điểm)

a. Đặt tính rồi tính

$$72356 + 9345$$

$$37821 - 19456$$

$$4369 \times 208$$

$$10625 : 25$$

.....
.....

.....
.....
.....
.....

b. Tính giá trị của biểu thức:

$$87652 - m \times n \quad \text{với } m = 1352 \text{ và } n = 40$$

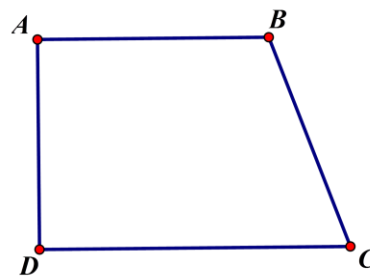
.....
.....

Bài 4:(1 điểm)

a) Trong hình bên có:

..... góc nhọn

..... góc tù?



b. Hãy vẽ một đường thẳng đi qua đỉnh B và vuông góc với CD tại điểm I.

Bài 5: (2 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 142 m, chiều dài hơn chiều rộng 52m. Người ta trồng khoai trên thửa ruộng đó, cứ 1m^2 thì thu hoạch được 4 kg khoai. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu yến khoai?

Bài 6:(1 điểm) Tính nhanh

$$243 \times 2 + 5 \times 243 + 486 \times 2 - 473$$

ĐÁP ÁN ĐỀ 31

Câu 1. .a.B b.C c.C d.C

Câu 2.

$$50 \text{ tấn } 90 \text{ kg} = 50090 \text{ kg}$$
$$780000 \text{ cm}^2 = 78 \text{ m}^2$$

$$7 \text{ thế kỷ rưỡi} = 750 \text{ năm}$$
$$7 \text{ m}^2 \text{ } 3 \text{ cm}^2 = 70\,003 \text{ cm}^2$$

Câu 3. .a) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) $72356 + 9345 = 81701$

b) $37821 - 19456 = 18365$

c) $4369 \times 208 = 908752$

d) $10625 : 25 = 425$

b)1đ

Với $m = 1352$ và $n = 40$ thì

$$87652 - m \times n = 87652 - 1352 \times 40 = 87652 - 54080 = 33572$$

Vậy giá trị của $87652 - m \times n$ tại $m = 1352$ và $n = 40$ là 33 572

Câu 4

a) 1 góc nhọn, 1 góc tù

b) Học sinh tự vẽ

Câu 5.

Chiều dài thửa ruộng là: $(142 + 52) : 2 = 97 \text{ (m)}$

Chiều rộng thửa ruộng là : $142 - 97 = 45 \text{ (m)}$

Diện tích thửa ruộng là : $97 \times 45 = 4365 \text{ (m}^2\text{)}$

Số kilogam khoai thu hoạch là: $4365 \times 4 = 17460 \text{ (kg)}$

$$17460 \text{ kg} = 1746 \text{ yến}$$

Đáp số: 1746 yến

Câu 6

$$243 \times 2 + 5 \times 243 + 486 \times 2 - 473$$

$$= 243 \times 2 + 5 \times 243 + 243 \times 2 \times 2 - 243 - 230$$

$$= 243 \times (2 + 5 + 2 \times 2 - 1) - 230$$

$$= 243 \times 10 - 230$$

$$= 24300 - 230 = 2200$$

ĐỀ 32

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Câu 1: Khoanh vào câu trả lời đúng (0,5 điểm)

1. Trong các số 5 784; 6874; 6 784; 5748, số lớn nhất là:

A. 5784 B. 6 874 C. 6 784 D. 5 748

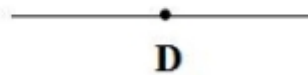
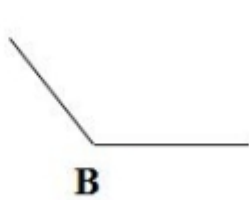
2. 5 tấn 8 kg = kg?

A. 580 kg B. 5800 kg C. 5008 kg D. 58 kg

3. Trong các số sau số nào chia hết cho 2 là:

A. 605 B. 1207 C. 3642 D. 2401

4. Trong các góc dưới đây, góc nào là góc tù:



A. Góc đỉnh A B. Góc đỉnh B C. Góc đỉnh C D. Góc đỉnh D

Câu 2: Chu vi của hình vuông là 16m thì diện tích sẽ là: (1 đ)

A. 16m B. $16m^2$ C. 32 m D. 12m

Câu 3: Năm 2016 là thế kỉ thứ bao nhiêu? (0,5 điểm)

A. XIX B. XX C. XVIII D. XX

Câu 4: Xếp các số sau: 2274; 1780; 2375; 1782 (0,5 điểm)

Theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

II. Tự luận: (6 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a. $72356 + 9345$

b. $3821 - 1805$

c. 2163×203

d. $2688 : 24$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2: (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) $2 \times 134 \times 5$

b) $43 \times 95 + 5 \times 43$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: (2 điểm) Tổng số tuổi của mẹ và con là 57 tuổi. Mẹ hơn con 33 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

Câu 4: (1 điểm) Tìm số bị chia nhỏ nhất trong phép chia có thương là 12 và số dư là 19.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 32

I. TRẮC NGHIỆM

- Câu 1. 1B 2C 3C 4B
- Câu 2. B
- Câu 3. $1780 < 1782 < 2274 < 2375$

II. Tự luận

- Câu 1. Đặt tính đúng mỗi câu 0,5đ
- a) $72356 + 9345 = 81701$
 - b) $3821 - 1805 = 2016$
 - c) $2163 \times 203 = 439089$
 - d) $2688 : 24 = 112$
- Câu 2: a) $2 \times 134 \times 5 = 134 \times (2 \times 5) = 134 \times 10 = 1340$
- b) $43 \times 95 + 5 \times 43 = 43 \times (95 + 5) = 43 \times 100 = 4300$

Câu 3: Hai lần tuổi mẹ là: $57 + 33 = 90$ (tuổi)

Tuổi mẹ là: $90 : 2 = 45$ (tuổi)

Tuổi con là : $45 - 33 = 12$ (tuổi)

Đáp số : Mẹ : 45 tuổi ; Con : 12 tuổi

Câu 4. Số dư là 19 thì số chia nhỏ nhất là 20.

Nên số bị chia cần tìm là: $12 \times 20 + 19 = 259$

ĐỀ SỐ 33

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Em hãy chọn và khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1) (M1) (1đ) Số 3 003 003 đọc là:

- A. Ba triệu ba trăm linh hai B. Ba triệu ba nghìn không trăm linh ba
C. Ba mươi triệu ba trăm linh ba D. Ba mươi triệu ba nghìn không trăm linh hai

Câu 2) (M3) (1đ) Một vận động viên đua xe đạp trong 1 giờ 5 phút đi được 35 km 750m. Trung bình mỗi phút người đó đi được là :

- A. 550 m B. 750 m C. 350 m D. 3575m

Câu 3 : (M2) (1đ) $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{cm}^2$

- A. 1002 cm^2 B. 102 cm^2 C. 120 cm^2

Câu 4) (M1) (1đ) Hình tứ giác bên có:

- A. Hai góc vuông, một góc nhọn và một góc tù
B. Hai góc vuông và hai góc nhọn
C. Hai góc vuông và hai góc tù
D. Ba góc vuông và một góc nhọn



Câu 5(M1). (1 điểm) Số nào dưới đây vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5?

- A. 36572 B. 44835 C. 50110 D. 55552

Câu 6) (M2) (1đ) Viết số thích hợp vào chỗ trống

$\frac{1}{5}$ giờ =phút.

16000 kg =tấn

$5 \text{ m}^2 8 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$\frac{1}{4}$ thế kỷ = năm

Bài 7. (M3) (1đ) Một cửa hàng có 6 tấm vải, mỗi tấm vải dài 36m, cửa hàng đã bán được $\frac{1}{4}$ số vải. Cửa hàng đã bán được số mét vải là :

- A) 45 m B. 54 m C. 90 m D. 162 m

II. Phần tự luận

Bài 1: (M 2) (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

a. 428×390

b. $62321 : 307$

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Câu 2 (M3): Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $142 \times 12 + 142 \times 8$

b) $25 \times 45 \times 4$

Câu 3: (M4) (1điểm) Tổng số tuổi của mẹ và con là 50 tuổi. Mẹ hơn con 22 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 33

I. Trắc nghiệm

1B

2A

3A

4A

5C

6) $\frac{1}{5}$ giờ = 60 phút

$16\,000\text{ kg} = 16\text{ tấn}$

$5m^2 8cm^2 = 50008cm^2$

$\frac{1}{4}$ thế kỷ = 25 năm

7 B

II. Tự luận

Câu 1 . Đặt tính rồi tính , mỗi câu đúng 0,5đ

a) $428 \times 390 = 166\,920$

b) $62321 : 307 = 203$

Câu 2 a) $142 \times 12 + 142 \times 8 = 142 \times (12+8) = 142 \times 20 = 142 \times 2 \times 10$
 $= 284 \times 10 = 2840$

b) $25 \times 45 \times 4 = (25 \times 4) \times 45 = 100 \times 45 = 4500$

Câu 3. Hai lần tuổi mẹ là: $50+22=72$ (tuổi)

Số tuổi của mẹ là : $72 : 2 = 36$ (tuổi)

Số tuổi của con là: $36 - 22 = 14$ (tuổi)

Đáp số : Mẹ : 36 tuổi, Con : 14 tuổi

ĐỀ SỐ 34

I. Trắc nghiệm: (4 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng

Câu 1. (1 điểm) Số nào trong các số dưới đây có chữ số 7 biểu thị cho 7000?

A. 74625 B. 37859 C. 12756 D. 90472

Câu 2. (1 điểm) Số nào dưới đây vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5?

A. 36572 B. 44835 C. 50110 D. 55552

Câu 3. (1 điểm) Giá trị của biểu thức: $642 : 2 + 58$ là:

A. 321 B. 379 C. 381 D. 397

Câu 4. (1 điểm) 4 tấn 35 kg =kg

A. 4035 B. 40035 C. 435 D. 4350

II. Tự luận: (6 điểm)

Câu 5. Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

a. $6427 + 7694$ b. $864729 - 69653$ c. 2456×24 d. $86475 : 25$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

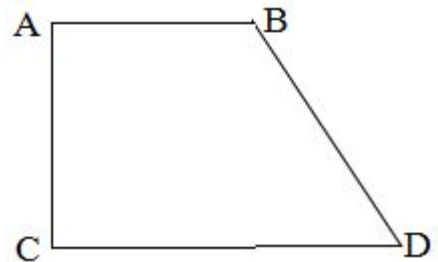
Câu 6. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất

$154 \times 35 + 154 \times 65$

Câu 7. (1 điểm) Cho tứ giác ABCD

a. Viết tên các cặp cạnh song song với nhau:

b. Viết tên các cặp cạnh vuông góc với nhau:



Câu 8. (2 điểm) Khối lớp 4 có 548 học sinh, trong đó số học sinh nam ít hơn số học sinh nữ là 136 em. Hỏi khối lớp 4 có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 34

I. TRẮC NGHIỆM 1B 2C 3B 4A

II. TỰ LUẬN

Câu 5. Mỗi câu đúng được 0,5đ

- a) $6427 + 7694 = 14121$
- b) $864729 - 69653 = 795\ 076$
- c) $2456 \times 24 = 58\ 994$
- d) $86\ 475 : 25 = 3459$

Câu 6 $154 \times 35 + 154 \times 65 = 154 \times (35 + 65) = 154 \times 100 = 15\ 400$

Câu 7. a) các cặp cạnh song song : AB và CD

b) Các cặp cạnh vuông góc: AC và CD ; AC và AB

Câu 8.

Hai lần số học sinh nữ khối 4 là : $548 + 136 = 684$ (em)

Số học sinh nữ khối 4 là : $684 : 2 = 342$ (em)

Số học sinh nam khối 4 là : $342 - 136 = 206$ (em)

Đáp số: Nam : 206 em, Nữ : 342 em

ĐỀ 35

1. Điền kết quả phép tính vào ô trống:

Thừa số	48	57	911	6420
Thừa số	23	168	304	318
Tích				

2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$\begin{aligned} 620 &= 62 \dots\dots\dots & \bullet 5\,110\,000 &= \dots\dots\dots 511 \\ 4200 &= \dots\dots\dots 100 & \bullet 9000 &= 1000 \dots\dots\dots \\ 85\,300 &= \dots\dots\dots 10 & \bullet 75\,000\,000 &= \dots\dots\dots 10 \end{aligned}$$

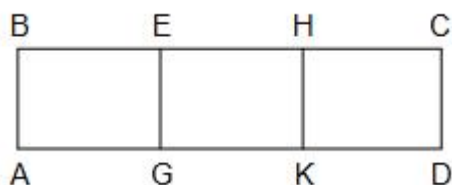
3. Tính nhẩm:

$$\begin{aligned} \text{a) } 34\,1000 : 100 & & \text{c) } 59\,000 \times 100 : 1000 \\ \text{b) } 9500 : 100 \times 10 & & \text{d) } 27\,000\,000 \times 10 : 10\,000 \end{aligned}$$

4. Đặt tính rồi tính:

$$\begin{aligned} \text{a) } 8696 : 205 & & \text{c) } 85\,796 : 410 \\ \text{b) } 6324 : 31 & & \text{d) } 3636 : 12 \end{aligned}$$

5. Em hãy viết tên tất cả các hình chữ nhật ở hình bên.



6. Một phòng họp hình chữ nhật có chiều dài 25m. Chiều rộng kém chiều dài 9m. Trong phòng họp có 400 người. Tính diện tích trung bình dành cho mỗi người.

7. Hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước kết quả đúng:

a) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $7\text{m}^2\,3\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$ là:

A. 7003 B. 73 C. 7030 D. 703

b) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $125\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 \dots\dots\dots \text{dm}^2$ là:

A. $10\text{m}^2\,25\text{dm}^2$ B. $1\text{m}^2\,25\text{dm}^2$
C. $12\text{m}^2\,5\text{dm}^2$ D. $12\text{m}^2\,5\text{dm}^2$

———— HẾT ————

ĐÁP ÁN ĐỀ 35

Câu 1

Thừa số	48	57	911	6420
Thừa số	23	168	304	318
Tích	1104	9576	276944	2041560

Câu 2.

$$620 = 62 \times 10$$

$$5\,110\,000 = 10000 \times 541$$

$$4200 = 42 \times 100$$

$$9\,000 = 1000 \times 9$$

$$85\,300 = 8530 \times 10$$

$$75\,000\,000 = 7\,500\,000 \times 10$$

Câu 3

a) $341\,000 : 100 = 3410$

b) $9500 : 100 \times 10 = 950$

c) $59\,000 \times 100 : 1000 = 5\,900$

d) $27\,000\,000 \times 10 : 10\,000 = 27\,000$

Câu 4

Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5 đ

a) $8696 : 205 = 42$ (dư 86)

b) $6324 : 31 = 204$

c) $85\,796 : 410 = 209$ (dư 106)

d) $3636 : 12 = 303$

Câu 5.

Các hình chữ nhật có trong hình là

BEGA ; EHKG ; HCDK ; BHKA ; ECDG ; ABCD.

Câu 6.

Chiều rộng căn phòng là : $25 - 9 = 16$ (m)

Diện tích căn phòng là : $25 \times 16 = 400$ (m²)

Diện tích trung bình của mỗi người là : $400 : 400 = 1$ (m²)

Đáp số 1 m²

7 a) D

b) B

ĐỀ 36

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7điểm)

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng trong mỗi câu sau:

Câu 1: (M1: 1 điểm) Đọc số sau: 8 601 235

- A/ Tám triệu sáu trăm linh một nghìn hai trăm ba lăm
- B/ Tám triệu sáu trăm linh một nghìn hai trăm ba mươi lăm
- C/ Tám triệu sáu trăm linh một nghìn hai trăm năm mươi ba
- D/ Tám triệu sáu trăm mười nghìn hai trăm ba lăm

Câu 2: (M1: 1 điểm) Số: Bảy trăm nghìn tám trăm linh năm viết là:

- A/ 700805
- B/ 7000805
- C/ 708005
- D/ 70085

Câu 3: (M1: 1 điểm) Chữ số 3 trong số **253 456** thuộc hàng:

- A/ Hàng trăm nghìn B/ Hàng nghìn C/ Hàng trăm D/ Hàng chục nghìn

Câu 4: (M2: 1 điểm) 5 tấn 13 kg =kg

- A. 513 kg B. 5130 kg C. 5013 kg D. 50013 kg

Câu 5: (M3: 1 điểm) 20 thế kỉ 17 năm =năm

- A. 217 năm B. 20017 năm C. 2170 năm D. 2017năm

Câu 6: (M2: 1 điểm) Hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng 8cm, diện tích của hình này là:

- A. 96cm^2 B. 86cm^2 C. 190cm^2 D. 48cm^2

Câu 7: (M3: 1 điểm) Trong các góc sau: Góc vuông, góc tù, góc nhọn, góc bẹt, góc nào lớn nhất ?

- A/ Góc vuông B/ Góc nhọn C/ Góc tù D/ Góc bẹt

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: (M2: 1 điểm) Viết một số có ba chữ số chia hết cho 2 và 9.

Câu 2: (M4: 1 điểm) Dùng ê-ke, hãy vẽ hình tứ giác có hai góc vuông, một góc nhọn và một góc tù.

Câu 3: (M3: 1 điểm)

Có hai thùng đựng dầu, trung bình mỗi thùng đựng 12 lít dầu, biết thùng thứ nhất đựng 9 lít, hỏi thùng thứ hai đựng mấy lít ?

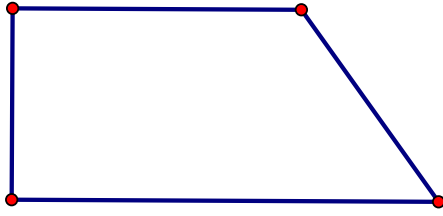
ĐÁP ÁN ĐỀ 36

I. TRẮC NGHIỆM

1B 2A 3B 4C 5D 6A 7D

II. TỰ LUẬN

1) 108



2)

Câu 3.

Tổng số dầu hai thùng đựng là : $12 \times 2 = 24$ (l dầu)

Số lít dầu thùng thứ hai đựng là: $24 - 9 = 15$ (l dầu)

Đáp số : 15 l dầu

ĐỀ 37

1. Tính bằng 2 cách:

a) $(2935 + 1055) : 5$

b) $2442 : 6 + 16\,596 : 6$

2. Tính giá trị của biểu thức $31 \times m$ với mỗi giá trị của m là: 48, 126

3. Nối phép tính với kết quả của phép tính đó:

$52\,169 - 28\,372$ $264\,418$

$457\,820 + 537$ $458\,357$

1309×202 $23\,797$

$10962 : 42$ 261

4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

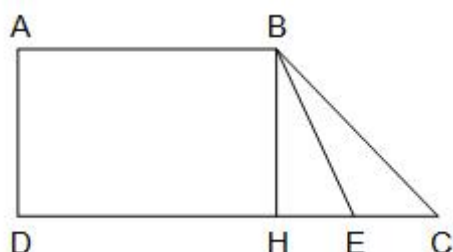
• $10\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$ • $500\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $3400\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$ • $84600\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $280\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2 \dots\dots\dots \text{cm}^2$ • $5\text{dm}^2\,3\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

5. Hai cửa hàng cùng nhận 7420kg gạo. Cửa hàng thứ nhất trung bình mỗi ngày bán được 371kg gạo, cửa hàng thứ hai trung bình mỗi ngày bán được 265kg gạo. Hỏi cửa hàng nào bán hết số gạo đó sớm hơn và sớm hơn mấy ngày?

6. Trên hình vẽ bên



a) Đoạn thẳng BC là cạnh của những hình tam giác, hình tứ giác nào?

b) Điểm E là đỉnh chung của những hình tam giác, hình tứ giác nào?

7. Giải bài toán dựa vào tóm tắt sau:

Có 27 học sinh giỏi:

Mỗi em được thưởng 15 quyển vở

Mỗi quyển vở giá 3200 đồng

Tính số tiền mua vở?

ĐÁP ÁN ĐỀ 37

Câu 1

a). $(2935 + 1055) : 5$

Cách 1. $(2935 + 1055) : 5 = 3990 : 5 = 798$

Cách 2. $(2935 + 1055) : 5 = 2935 : 5 + 1055 : 5 = 587 + 211 = 798$

b). $2442 : 6 + 16\,596 : 6$

Cách 1. $2442 : 6 + 16\,596 : 6 = 407 + 2766 = 3173$

Cách 2. $2442 : 6 + 16\,596 : 6 = (2442 + 16\,596) : 6 = 19\,038 : 6 = 3173$

Câu 2

Nếu $m = 38$ thì $31 \times m = 31 \times 38 = 1178$

Nếu $m = 126$ thì $31 \times m = 31 \times 126 = 3906$

Câu 3

$$52\,169 - 28\,372 = 23\,797$$

$$457\,820 + 537 = 458\,357$$

$$1309 \times 202 = 264\,418$$

$$10692 : 42 = 261$$

Câu 4

$$10\,dm^2 = 1000\,cm^2$$

$$3400\,cm^2 = 34\,dm^2$$

$$280\,cm^2 = 2\,dm^2\,80\,cm^2$$

$$500\,cm^2 = 5\,dm^2$$

$$84600\,cm^2 = 846\,dm^2$$

$$5\,dm^2\,3\,cm^2 = 503\,cm^2$$

Câu 5

Số ngày cửa hàng thứ nhất bán hết là : $7420 : 371 = 20$ (ngày)

Số ngày cửa hàng thứ hai bán hết là : $7420 : 265 = 28$ (ngày)

Vậy cửa hàng thứ nhất bán hết sớm hơn, và sớm hơn : $28 - 20 = 8$ (ngày)

Đáp số: Cửa hàng thứ nhất bán hết sớm hơn 8 ngày

Câu 6

a) Tam giác BCE, BCH và tứ giác ABCD

b) E là đỉnh chung của ABED, HBE, EBC

Câu 7

Số quyển vở đã thưởng là: $15 \times 27 = 405$ (quyển vở)

Số tiền mua vở là : $3\,200 \times 405 = 1\,296\,000$ (đồng)

Đáp số: 1 296 000 đồng

ĐỀ SỐ 38

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Khoanh tròn vào đáp án đúng

Câu 1. (1 điểm) Số nào trong các số dưới đây có chữ số 7 biểu thị cho 7000?

- A. 74625 B. 37859 C. 12756 D. 90472

Câu 2. (1 điểm) Số nào dưới đây vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5?

- B. 36572 B. 44835 C. 50110 D.
55552

Câu 3. (1 điểm) Giá trị của biểu thức: $642 : 2 + 58$ là:

- A. 321 B. 379 C. 381 D. 379

Câu 4. (1 điểm) 4 tấn 35 kg =kg

- A. 4035 B. 40035 C. 435 D. 4350

I. Tự luận: (6 điểm)

Câu 5. Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

a. $6427 + 7694$

b. $864729 - 69653$

c. 2456×24

d. $86475 : 25$

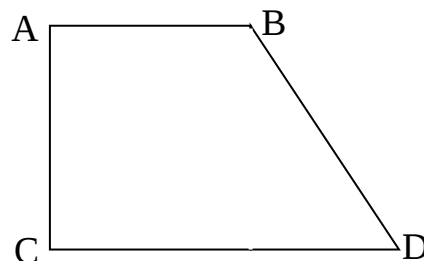
Câu 6. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$154 \times 35 + 154 \times 65$$

Câu 7. (1 điểm) Cho tứ giác ABCD

a. Viết tên các cặp cạnh song song với nhau:

b. Viết tên các cặp cạnh vuông góc với nhau:



Câu 8. (2 điểm)

Khối lớp 4 có 548 học sinh, trong đó số học sinh nam ít hơn số học sinh nữ là 136 em. Hỏi khối lớp 4 có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 38

I. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 1 điểm)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	C	D	A

II. Tự luận: (6 điểm)

Câu 5. (2 đ)

- a. 14121 (0,5 đ) b. 795076 (0,5 đ)
- c. 58944 (0,5 đ) d. 3459 (0,5 đ)

Câu 6. (1 đ) $154 \times 35 + 154 \times 65 = 154 \times (35 + 65)$ (0,5 đ)
 $= 154 \times 100 = 15400$ (0,5 đ)

Câu 7. (1 đ)

- a) AB song song với DC (0,5 đ)
b) AB vuông góc với AD và AD vuông góc với DC (0,5 đ)

Câu 8. (2đ)

Bài giải

Số học sinh nam là: (0,25)

$$(548 - 136) : 2 = 206 \text{ (học sinh)} \quad (0,5)$$

Số học sinh nữ là: (0,25)

$$206 + 136 = 342 \text{ (học sinh)} \quad (0,5)$$

Đáp số: Nam: 206 học sinh (0, 5)

Nữ: 342 học sinh

Lưu ý: Bài toán có nhiều cách giải, hs ghi lời giải đúng và kết quả đúng là hưởng trọn số điểm.

ĐỀ SỐ 39

1. Số

Số bị chia	3469	1983	7936
Số chia	241	14	26
Thương			
Số dư			

2. Tìm x, biết:

a. $x : 305 = 642 + 318$ b. $x : 104 = 635 \times 2$

3. Tính:

a) $27\,356 + 423\,101$ c) $7281 : 3\,11$

b) $67\,54 - 209$ d) $6492 + 18\,544 : 4$

4. Viết thành số đo diện tích:

a) Bảy đề-xi-mét vuông:

b) Một nghìn tám trăm linh sáu xăng-ti-mét vuông:

c) Ba mươi lăm nghìn mét vuông:

d) Sáu trăm sáu mươi sáu đề-xi-mét vuông:

5. Một người đi xe máy trong 1 giờ 30 phút đi được 45km 360m. Hỏi trung bình mỗi phút xe máy đi được bao nhiêu mét?

6. Điền dấu $> = <$ vào khoảng trống

$2\text{dm}^2\,5\text{cm}^2$ $\square$ 205cm^2 $6\text{m}^2\,48\text{dm}^2$ $\square$ 7m^2

300dm^2 $\square$ $2\text{m}^2\,99\text{dm}^2$ 73m^2 $\square$ 7300dm^2

7. Giải bài toán dựa vào tóm tắt sau:

37kg gạo loại I, mỗi kilôgam giá 6400đ

56kg gạo loại II, mỗi kilôgam giá 5200đ

Hỏi: Tổng giá gạo là bao nhiêu?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 39

Câu 1.

Số bị chia	3469	1983	7936
Số chia	241	14	26
Thương	35	141	305
Số dư	34	9	6

Câu 2

$a) x : 304 = 642 + 318$ $x : 305 = 960$ $x = 960 \times 305$ $x = 292800$	$x : 104 = 635 \times 2$ $x : 104 = 1270$ $x = 1270 \times 104$ $x = 132080$
---	---

Câu 3

a) $27356 + 423101 = 450457$

b) $6754 - 209 = 6545$

c) $7281 : 311 = 23$ (du 128)

d) $6492 + 18544 : 4 = 6492 + 4636 = 11128$

Câu 4

a) $7 dm^2$

b) $1806 cm^2$

c) $35000 m^2$

d) $666 dm^2$

Câu 5

1 giờ 30 phút = 90 phút

45 km 360 m = 45 360 m

Số mét mỗi phút xe máy đi là: $45360 : 90 = 504$ (m)

Đáp số: 504 m

Câu 6

$2 dm^2 5 cm^2 = 205 cm^2$

$6 m^2 48 dm^2 < 7 m^2$

$300 dm^2 > 2 m^2 99 dm^2$

$73 m^2 = 7300 dm^2$

Câu 7

Số tiền tổng giá gạo loại I là: $6400 \times 37 = 236\ 800$ (đồng)

Số tiền tổng giá gạo loại II là: $5200 \times 56 = 291\ 200$ (đồng)

Số tiền tổng giá gạo tất cả là: $236\ 800 + 291\ 200 = 528\ 000$ (đồng)

Đáp số: 528 000 đồng

ĐỀ SỐ 40

Phần I. Trắc nghiệm (3 đ) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số gồm năm trăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn, ba đơn vị viết là:

- A. 500702003 B. 550207303
C. 500720003 D. 570720003

Câu 2. Số lớn nhất trong các số sau: 987543; 987889; 899987; 987658 là:

- A. 987543 B. 987889
C. 987658 D. 899987

Câu 3. Cho 4 tấn 70kg = kg. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

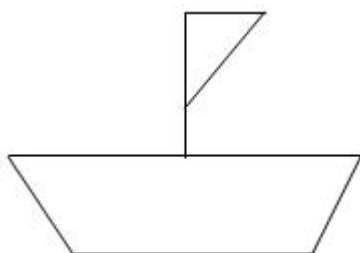
- A. 4070 B. 40070 C. 4700 D. 40070

Câu 4. Số điền vào chỗ chấm để $6800\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2$ là:

- A. 680000 B. 68000
C. 680 D. 68

Câu 5. Trong các số sau số nào chia hết cho 3 ?

- A. 3070 B. 3050 C. 4080 D. 2093



Câu 6: Hình bên có:

- A. 4 góc nhọn B. 5 góc nhọn
C. 3 góc nhọn D. 2 góc nhọn

II. TỰ LUẬN (7 điểm) :

Bài 1:(2đ) Đặt tính rồi tính:

a. $325164 + 68030$	b. $479829 - 214589$	C. 497×54	D. $10455 : 85$
---------------------	----------------------	--------------------	-----------------

Bài 2:(1đ) Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a, $98 \times 112 - 12 \times 98$ b, $159 \times 540 + 159 \times 460$

Bài 3: (3đ) Một sân bóng hình chữ nhật có nửa chu vi 172m, chiều dài hơn chiều rộng 36m. Tính diện tích của sân bóng hình chữ nhật đó.

Bài 4: (1đ) Tổng của hai số là 780. Biết số bé là số có hai chữ số và khi viết thêm chữ số 6 vào bên trái số bé thì ta được số lớn. Tìm hai số đó.

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 40

I. TRẮC NGHIỆM

1C 2B 3A 4D 5C 6A

II. TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) $325164 + 68030 = 393194$

b) $479829 - 214589 = 265240$

c) $497 \times 54 = 26838$

d) $10455 : 85 = 123$

Câu 2.

a) $98 \times 12 - 112 \times 98 = 98 \times (112 - 12) = 98 \times 100 = 9800$

b) $159 \times 540 + 159 \times 460 = 159 \times (540 + 460) = 159 \times 1000 = 159000$

Câu 3

Hai lần chiều dài sân bóng là: $172 + 36 = 208$ (m)

Chiều dài sân bóng là: $208 : 2 = 104$ (m)

Chiều rộng sân bóng là: $172 - 104 = 68$ (m)

Diện tích của sân bóng là: $104 \times 68 = 7072$ (m^2)

Đáp số: $7072 m^2$

Câu 4

Vì viết số 6 vào bên trái số bé thì ta được số lớn nên số lớn hơn số bé 600 đơn vị

Do đó, số lớn là: $(780 + 600) : 2 = 690$

Số bé là: $690 - 600 = 90$

Đáp số: Số lớn: 690, Số bé : 90

ĐỀ SỐ 41

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: (1 điểm) Số bốn trăm linh hai nghìn bốn trăm hai mươi viết là:

- A. 4 002 400 B. 4 020 420 C. 402 420 D. 240 240

Câu 2: (1 điểm) Giá trị của biểu thức $45 \times m$ bằng bao nhiêu khi $m = 11$?

- A. 495 B. 459 C. 594 D. 549

Câu 3 : (1 điểm) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $65 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$ là :

- A. 6050 B. 650 C. 6500 D. 65 000

Câu 4: (1 điểm) Tổng của ba số tự nhiên liên tiếp là 333. Số lớn nhất trong ba số đó là:

- A. 999 B. 333 C. 112 D. 111

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 5: (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$15548 + 5244$$

$$3168 \times 24$$

.....

Câu 6: (2 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a. $32147 + 423507 \times 2$

b. $609 \times 9 - 4845$

.....

Câu 7 (1 điểm)

Một hình chữ nhật có chiều dài là 112 cm, chiều rộng là 80 cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

.....

Câu 8: (2 điểm):

Hai thửa ruộng thu hoạch được 45 tấn 7 tạ thóc. Số thóc thửa thứ nhất thu hoạch được ít hơn số thóc thửa thứ hai 5 tạ thóc. Hỏi mỗi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

BIỂU ĐIỂM – TOÁN 4

I. Trắc nghiệm: 2 điểm. Mỗi đáp án đúng được 1 điểm

Câu 1: C

Câu 2: A

Câu 3: C

Câu 4: C

II. Tự luận

Câu 3: 1 điểm

Mỗi phép tính đặt và thực hiện đúng được 0,5 điểm. Đặt tính sai, kết quả đúng không cho điểm. Nếu không viết kết quả theo hàng ngang, mỗi phép tính trừ 0,25 điểm.

Câu 4: 2 điểm. Mỗi phần 1 điểm

a) $32147 + 423507 \times 2$

$= 32147 + 847014$ 0,5 điểm

$= 879161$ 0,5 điểm

b) $609 \times 9 - 4845$

$= 5481 - 4845$ 0,5 điểm

$= 636$ 0,5 điểm

Câu 7: 1 điểm

- Tính được diện tích (0,75 điểm)

- Đáp số (0,25 điểm)

Lưu ý: Câu trả lời không có ý nghĩa với phép toán hoặc kết quả phép tính sai thì không được điểm. HS thiếu hoặc sai tên đơn vị toàn bài trừ 0,25 điểm.

Câu 8: 2 điểm

- Đồi đúng được 0,25 điểm

- Tìm đúng hai lần số thóc ở thửa ruộng 1 (hoặc thửa ruộng 2) được 0,25 điểm

- Tìm đúng số thóc ở thửa ruộng 1 (hoặc thửa ruộng 2) được 0,5 điểm

- Tìm đúng số thóc ở thửa ruộng 2 (hoặc thửa ruộng 1) được 0,5 điểm

- Đáp số 0,5 điểm

Lưu ý: Câu trả lời không có ý nghĩa với phép toán hoặc kết quả phép tính sai thì không được điểm. (Học sinh làm sai từ đâu thì không chấm tiếp từ đó)

HS thiếu hoặc sai tên đơn vị toàn bài trừ 0,25 điểm. Không yêu cầu học sinh vẽ sơ đồ.

ĐỀ SỐ 42

I-PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,5 ĐIỂM)

Câu 1: 1điểm (M1)

Số năm trăm sáu mươi triệu bảy trăm linh năm nghìn viết là

- A. 560705 B. 560 705 000 C. 506 705 000

Câu 2: 1 điểm(M1)

Giá trị biểu thức : $567 \times 34 - 75 \times 11$ là

- A. 18453 B. 18456 C.19875

Câu 3:1 điểm (M2)

Thương của 4002 và 69 là

.....

Câu 4 : 1 điểm : M2 Điền số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm

- a) $4500 \text{ kg} = 45 \dots\dots$
b) $45\text{m}^2 6\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

Câu 5 : 1 điểm : M2

Trung bình cộng của hai số là 45. Biết một số là 34. Số còn lại là

- A. 56 B. 12 C. 43

Câu 6 : 0,5 điểm : M3

Số chẵn lớn nhất có 4 chữ số là

.....

Câu 7 : 1 điểm : M3

Hai lớp có 62 học sinh, trong đó lớp 4A nhiều hơn lớp 4B là 2 học sinh. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu học sinh ?

- A. 30 học sinh và 32 học sinh
B. 4A: 32 học sinh, 4B: 30 học sinh
C. 4A: 30 học sinh, 4B : 32 học sinh

II.PHẦN TỰ LUẬN : 3,5 điểm

Câu 8 : 2 điểm M3

Mảnh vườn hình chữ nhật có tổng độ dài hai cạnh liên tiếp là 65m . Bớt chiều dài 7 m thì mảnh vườn trở thành hình vuông. Tính diện tích mảnh vườn hình chữ nhật.

Câu 9 (0,5 điểm) M3 Tính bằng cách thuận tiện

(56 x 49) : 7

Câu 10 (1 điểm) M4

Trung bình cộng của ba số là số bé nhất có 3 chữ số. Tổng của hai số đầu là 123. Tìm số thứ ba.

ĐÁP ÁN ĐỀ 42

Câu 1(1đ)	Câu 2(1đ)	Câu 3(1đ)	Câu 4(1đ)	Câu 5(1đ)	Câu 6 (0,5đ)	Câu 7(1đ)
B	A	58	a) Tà b)4506	A	9998	B

Câu 8

Tóm tắt : 0,25 điểm

Chiều dài mảnh vườn là : 0,25 đ

$(65+7) : 2 = 36 \text{ (m)}$: 0,25 đ

Chiều rộng mảnh vườn : 0,25 đ

$65 - 36 = 29 \text{ (m)}$: 0,25 đ

Diện tích mảnh vườn : 0,25 đ

$36 \times 29 = 1044 \text{ (m}^2\text{)}$: 0,5 đ

Đáp số : Không cho điểm, nếu sai trừ 0,25đ

Câu 9 : 0, 5 đ . Tính đúng nhưng không thuận tiện không cho điểm

Câu 10 : 1 điểm

Số bé nhất có 3 chữ số là 100: 0,25 đ

Tổng 3 số là : $100 \times 3 = 300$: 0,5 đ

Số thứ ba là $300 - 123 = 177$; 0,25

Đáp số : Không cho điểm, nếu sai trừ 0,25đ

ĐỀ SỐ 43

I/PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: 3 tấn 72 kg = kg

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

a. 372

b. 3720

c. 3027

d. 3072

Câu 2: $a \times \dots = \dots \times a = a$

Số hoặc chữ điền vào chỗ chấm là:

a. 1

b. 0

c. a

d. không xác định

Câu 3: $10\text{dm}^2 2\text{cm}^2 = \dots \text{cm}^2$

Số điền vào chỗ chấm là:

a. 102

b. 1020

c. 1002

d. 120

Câu 4: Trong các số: 605, 7362, 1207, 20601

Số chia hết cho 2 là:

a. 605

b. 1207

d. 7362

d. 20601

II/PHẦN TỰ LUẬN: (8 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính (2 điểm)

$$57696 + 814$$

$$5901 - 638$$

$$1357 \times 3$$

$$6797 : 7$$

Câu 2: Tìm x (2 điểm)

$$x - 306 = 504$$

$$x + 254 = 680$$

Câu 3: Một sân vận động hình chữ nhật có chiều dài 180 m, chiều rộng bằng nửa chiều dài. Tính diện tích sân vận động đó .(2điểm)

Câu 4: Hai thùng chứa tất cả 600 lít nước, thùng bé chứa ít hơn thùng to 120 lít nước. Hỏi mỗi thùng chứa được bao nhiêu lít nước ? (2điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 43

I/PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2điểm)

Khoanh đúng kết quả mỗi câu được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4
Ý	d	a	c	d

II/PHÂN TỬ LUẬN:(8 điểm)

Câu 1: Tính đúng kết quả mỗi phép tính được 0,5 điểm

58510 5263 4071 971

Câu 2: Tìm x(2điểm)

$$x - 306 = 504$$

$$x = 504 + 306 \quad (0.5\text{điểm})$$

$$x = 810 \quad (0.5\text{điểm})$$

$$x + 254 = 680$$

$$x = 680 - 254 \quad (0.5\text{điểm})$$

$$x = 426 \quad (0.5\text{điểm})$$

Câu 3: (2điểm)

Giải:

Chiều rộng sân vận động đó:

$$180 : 2 = 90 \text{ (m)}$$

Diện tích sân vận động đó:

$$180 \times 90 = 16200 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 16200m²

Câu 4: (2điểm)

Giải

Thùng to chứa:

$$(600 + 120) : 2 = 360 \text{ (l)}$$

Thùng bé chứa:

$$(600 - 120) : 2 = 240 \text{ (l)}$$

Đáp số: 360 lít, 240 lít

ĐỀ SỐ 44

Câu 1. Đặt tính rồi tính

- a) $54\,172 \times 3$ b) 276×412 c) 23×46
d) 385×200 e) 83×11 f) 960×70

Câu 2. Tính nhẩm

- a) $2005 \times 10 =$ b) $6700 \times 10 : 100 =$
c) $358 \times 1000 =$ d) $80\,000 : 10\,000 \times 10 =$

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện nhất

- a) $4 \times 21 \times 25$ c) $607 \times 92 + 607 \times 8$
b) $63 \times 178 - 53 \times 178$ d) $8 \times 4 \times 25 \times 125$

Câu 4. Đặt tính rồi tính

- a) $9090 : 88$ b) $48\,675 : 234$
c) $6726 : 177$ d) $209\,600 : 400$

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm

- $1300\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$ • $13\text{dm}^2 5\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$
• $500\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$ • $5308\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2 \dots\dots\dots\text{dm}^2$
• $9\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$ • $3\text{m}^2 6\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$
• $4\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ • $8791\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2 \dots\dots\dots\text{dm}^2$

Câu 6. Một cái sân hình chữ nhật có chu vi 108m và chiều rộng là 18m. Tính diện tích cái sân đó

Câu 7. May mỗi bộ quần áo cần có 3m 50cm vải. Hỏi:

- a) May 82 bộ quần áo như thế cần có bao nhiêu mét vải ?
b) Có 49m vải thì may được bao nhiêu bộ quần áo như thế ?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 44

1) Đặt tính đúng được điểm tối đa

- a) $54\,172 \times 3 = 162\,516$ b) $276 \times 412 = 113\,712$
c) $23 \times 46 = 1058$ d) $385 \times 200 = 77\,000$
e) $83 \times 11 = 913$ f) $960 \times 70 = 67\,200$

2) Tính nhẩm

- a) $2005 \times 10 = 20\,050$ b) $6\,700 \times 10 : 100 = 670$
c) $385 \times 1000 = 385\,000$ d) $80\,000 : 10\,000 \times 10 = 80$

3)

- a) $4 \times 21 \times 25 = (25 \times 4) \times 21 = 100 \times 21 = 2\,100$
b) $607 \times 92 + 607 \times 8 = 607 \times (92 + 8) = 607 \times 100 = 60\,700$
c) $63 \times 178 - 53 \times 178 = 178 \times (63 - 53) = 178 \times 10 = 1\,780$
d) $8 \times 4 \times 25 \times 125 = (125 \times 8) \times (25 \times 4) = 1000 \times 100 = 100\,000$

4) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

- a) $9090 : 88 = 103$ (dư 26)
b) $48\,675 : 234 = 208$ (dư 3)
c) $6726 : 177 = 38$
d) $209\,600 : 400 = 524$

5) Viết số thích hợp:

$$1300\text{cm}^2 = 13\text{dm}^2 \quad ; \quad 13\text{dm}^2 5\text{cm}^2 = 1305\text{cm}^2$$

$$500\text{cm}^2 = 5\text{dm}^2 \quad ; \quad 5308\text{dm}^2 = 53\text{m}^2 8\text{dm}^2$$

$$4\text{dm}^2 = 400\text{cm}^2 \quad ; \quad 8791\text{dm}^2 = 87\text{m}^2 91\text{dm}^2$$

6) Nửa chu vi cái sân hình chữ nhật là: $108 : 2 = 54 \text{ (m)}$

Chiều dài cái sân hình chữ nhật là : $54 - 18 = 36 \text{ (m)}$

Diện tích cái sân hình chữ nhật là : $54 \times 36 = 1944 \text{ (m}^2 \text{)}$

Đáp số: 1944 m^2

7) a) $3\text{m}50\text{cm} = 350 \text{ (cm vải)}$

Số xăng ti mét vải cần để may 82 bộ quần áo là: $350 \times 82 = 28\,700 \text{ (m vải)}$

$$28\,00 \text{ cm} = 287 \text{ m}$$

b) $49 \text{ m} = 4\,900 \text{ cm}$

Có 49 m vải may được số bộ quần áo là: $4900 : 350 = 14 \text{ (bộ)}$

Đáp số: a) 287 m b) 14 bộ

ĐỀ SỐ 45

1. Số

Số bị chia	Số chia	Thương	Dư
8469	241		
1983	14		
7936	26		

2) Tìm x, biết

a) $x : 305 = 642 + 318$

b) $x : 104 = 635 \times 2$

3) Tính

a) $27\,356 + 423\,101$

c) $7281 : 311$

b) $6754 - 209$

d) $6492 + 18\,544 : 4$

4) Viết thành số đo diện tích

+) Bảy đề xi mét vuông:

+) Một nghìn tám trăm linh sáu xăng ti mét vuông:

+) Ba mươi lăm nghìn mét vuông:

+) Sáu trăm sáu mươi sáu đề- xi – mét vuông:

5) Một người đi xe máy trong 1 giờ 30 phút đi được 45 km 360 m. Hỏi trung bình mỗi phút xe máy đi được bao nhiêu mét ?

6) Điền dấu < ; = ; > vào khoảng trống

$$2\text{dm}^2 5\text{cm}^2 \square 205\text{cm}^2$$

$$6\text{m}^2 48\text{dm}^2 \square 7\text{m}^2$$

$$300\text{dm}^2 \square 2\text{m}^2 99\text{dm}^2$$

$$73\text{m}^2 \square 7300\text{dm}^2$$

7) Giải bài toán dựa vào tóm tắt sau:

37 kg gạo loại I, mỗi kilogam giá 6400 đồng

56 kg gạo loại II, mỗi kilogam giá 5200 đồng

Hỏi: Tổng số tiền mua gạo là bao nhiêu đồng

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 45

1. Số

Số bị chia	Số chia	Thương	Dư
8469	241	35	34
1983	14	141	9
7936	26	305	6

2. Tìm x, biết

$$x : 305 = 642 + 318$$

$$x : 104 = 635 \times 2$$

$$x : 305 = 960$$

$$x : 104 = 1270$$

$$x = 960 \times 305$$

$$x = 1270 \times 104$$

$$x = 292800$$

$$x = 132080$$

3) Tính

$$a) 27356 + 423101 = 450457$$

$$b) 6754 - 209 = 6545$$

$$c) 7281 : 311 = 13 \text{ (dư 128)}$$

$$d) 6492 + 18\,544 : 4 = 6492 + 4636 = 11\,128$$

4)

+) Bảy đề xi mét vuông: 7 dm^2

+) Một nghìn tám trăm linh sáu xăng ti mét vuông: 1806 cm^2

+) Ba mươi lăm nghìn mét vuông: 35000 m^2

+) Sáu trăm sáu mươi sáu đề- xi – mét vuông: 666 dm^2

$$5) 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 90 \text{ phút}$$

$$45 \text{ km } 360 \text{ m} = 45\,360 \text{ m}$$

$$\text{Số mét mỗi phút xe máy đi là : } 45\,360 : 90 = 504 \text{ (m)}$$

Đáp số: 504 m

Câu 6.

$$2 \text{ dm}^2 5 \text{ cm} = 205 \text{ cm}^2$$

$$6 \text{ m}^2 48 \text{ dm}^2 < 7 \text{ m}^2$$

$$300 \text{ dm}^2 > 2 \text{ m}^2 99 \text{ dm}^2$$

$$73 \text{ m}^2 = 7300 \text{ dm}^2$$

Câu 7.

$$\text{Số tiền mua gạo loại I là : } 6\,400 \times 37 = 236\,800 \text{ (đồng)}$$

$$\text{Số tiền mua gạo loại II là : } 5\,200 \times 56 = 291\,200 \text{ (đồng)}$$

$$\text{Tổng số tiền mua gạo là : } 236\,800 + 291\,200 = 528\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 528 000 đồng

ĐỀ SỐ 46

1. Điền kết quả phép tính vào ô trống

Thừa số	48	57	911	6420
Thừa số	23	168	304	318
Tích				

2) Viết phép tính và số thích hợp vào chỗ chấm

$$\bullet 620 = 62 \dots\dots\dots$$

$$\bullet 5110000 = \dots\dots\dots 511$$

$$\bullet 4200 = \dots\dots\dots 100$$

$$\bullet 9000 = 1000 \dots\dots\dots$$

$$\bullet 85300 = \dots\dots\dots 10$$

$$\bullet 75000000 = \dots\dots\dots 10$$

3) Tính nhẩm

$$a) 341\,000 : 100 =$$

$$c) 59\,000 \times 100 : 1000 =$$

$$b) 9\,500 : 100 \times 10 =$$

$$d) 27\,000\,000 \times 10 : 10\,000$$

4) Đặt tính rồi tính

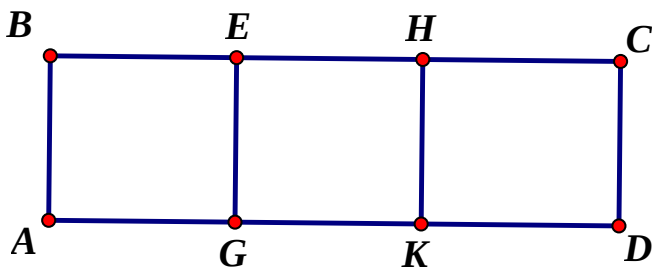
$$a) 8696 : 205$$

$$c) 85\,796 : 410$$

$$b) 6324 : 31$$

$$d) 3636 : 12$$

5) Em hãy viết tên tất cả các hình chữ nhật ở hình bên



6) Một phòng họp hình chữ nhật có chiều dài 25m, chiều rộng kém chiều dài 9m. Trong phòng họp có 400 người. Tính diện tích trung bình dành cho mỗi người

7) Hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước kết quả đúng

a) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $7\text{m}^2 3\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$ là

A. 7003

B. 73

C. 7030

D. 703

b) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $125\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 \dots\dots\dots \text{dm}^2$ là

A. $10\text{m}^2 25\text{dm}^2$

B. $1\text{m}^2 25\text{dm}^2$

C. $12\text{m}^2 5\text{dm}^2$

D. $12\text{m}^2 5\text{dm}^2$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 46

1. Điền kết quả phép tính vào ô trống

Thừa số	48	57	911	6420
Thừa số	23	168	304	318
Tích	1104	9576	276944	2 041 560

2) Viết số thích hợp vào chỗ chấm

$$a) 620 = 62 \times 10$$

$$d) 5110000 = 10000 \times 511$$

$$b) 4\,200 = 42 \times 100$$

$$e) 9000 = 1000 \times 9$$

$$c) 85300 = 8530 \times 10$$

$$f) 75000000 = 7\,500\,000 \times 10$$

3) Tính nhẩm

$$a) 341000 : 100 = 3410$$

$$c) 59000 \times 100 : 1000 = 5900$$

$$b) 9\,500 : 100 \times 10 = 950$$

$$d) 27000000 \times 10 : 10000 = 27000$$

4) Mỗi câu đặt tính đúng thì được điểm tối đa

a) $8696:205=42$ (dư 86)

b) $6324:31=204$

c) $85796:410=209$ (dư 106)

d) $3636:12=303$

5) Tên các hình chữ nhật là: BEGA; EHKG; HCDK; BHKA; ECDG; BCDA

6) Giải

Chiều rộng căn phòng hình chữ nhật là: $26-9=16$ (m)

Diện tích căn phòng là: $25 \times 16=400$ (m²)

Diện tích trung bình dành cho mỗi người là: $400:400=1$ (m²)

Đáp số: 1 m²

Câu 7. A) D b) B

ĐỀ SỐ 47

1) Tính bằng hai cách

a) 173×26

c) $(2935 + 1055) : 5$

b) 682×49

d) $2442 : 6 + 16\,596 : 6$

2) Tính giá trị của biểu thức $31 \times m$ với mỗi giá trị của m là : 48; 139; 126.

3) Nối phép tính với kết quả của phép tính đó

$52\,169 - 28\,372 \bullet$

$\bullet 264\,418$

$457\,820 + 537 \bullet$

$\bullet 458\,357$

$1309 \times 202 \bullet$

$\bullet 23\,797$

$10962 : 42 \bullet$

$\bullet 261$

4) Viết số thích hợp vào chỗ chấm

$\bullet 10\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$\bullet 500\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

$\bullet 3400\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

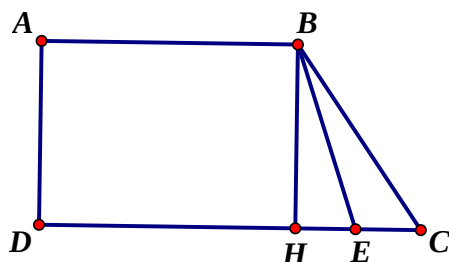
$\bullet 84600\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

$\bullet 280\text{cm}^2 = \dots\dots\text{dm}^2 \dots\dots\text{cm}^2$

$\bullet 5\text{dm}^2 3\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

5) Hai cửa hàng cùng nhận 7420 kg gạo. Cửa hàng thứ nhất trung bình mỗi ngày bán được 371 kg gạo, cửa hàng thứ 2 trung bình mỗi ngày bán được 265 kg gạo. Hỏi cửa hàng nào bán hết số gạo đó sớm hơn và sớm hơn mấy ngày.

6) Trên hình vẽ bên



- a) Đoạn thẳng BC là cạnh của những hình tam giác, hình tứ giác nào ?
 b) Điểm E là đỉnh chung của những hình tam giác, hình tứ giác nào ?

7) Giải bài toán dựa vào tóm tắt sau

Có 27 học sinh giỏi

Mỗi em được thưởng 15 quyển vở

Mỗi quyển vở giá 3200 đồng

Tính số tiền mua vở ?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 47

1) Tính bằng 2 cách

a) 173×26

cách 1 : $173 \times 26 = 4498$

cách 2 : $173 \times 26 = 173 \times (20 + 6) = 173 \times 20 + 173 \times 6 = 3460 + 1038 = 4498$

b) 682×49

cách 1 : $682 \times 49 = 33418$

cách 2 : $682 \times 49 = 682 \times (50 - 1) = 682 \times 50 - 682 \times 1 = 34100 - 682 = 33418$

c) $(2935 + 1055) : 5$

cách 1 : $(2935 + 1055) : 5 = 3990 : 5 = 798$

cách 2 : $(2935 + 1055) : 5 = 2935 : 5 + 1055 : 5 = 587 + 211 = 798$

d) $2442 : 6 + 16596 : 6$

cách 1 : $2442 : 6 + 16596 : 6 = 407 + 2766 = 3173$

cách 2 : $2442 : 6 + 16596 : 6 = (2442 + 16596) : 6 = 19038 : 6 = 3173$

2) *) Nếu $m = 48$ thì $31 \times m = 31 \times 48 = 1488$

Vậy 1488 là giá trị của $31 \times m$ khi $m = 48$

*) Nếu $m = 126$ thì $31 \times m = 31 \times 126 = 3906$

Vậy 3906 là giá trị của $31 \times m$ khi $m = 126$

*) Nếu $m = 139$ thì $31 \times m = 31 \times 139 = 4309$

Vậy 4309 là giá trị của $31 \times m$ khi $m = 139$

3) Nối

$52169 - 28372 = 23797$

$457820 + 537 = 458357$

$1309 \times 202 = 264418$

$10962 : 42 = 261$

4) Viết số :

$10 \text{ dm}^2 = 1000 \text{ cm}^2$

$500 \text{ cm}^2 = 5 \text{ dm}^2$

$3400 \text{ cm}^2 = 34 \text{ dm}^2$

$84600 \text{ cm}^2 = 846 \text{ dm}^2$

$280 \text{ cm}^2 = 2 \text{ dm}^2 80 \text{ cm}^2$

$5 \text{ dm}^2 3 \text{ cm}^2 = 503 \text{ cm}^2$

5) Số ngày cửa hàng thứ nhất bán hết là: $7420:371=20$ (ngày)

Số ngày cửa hàng thứ hai bán hết là: $7420:265=28$ (ngày)

Số ngày cửa hàng thứ nhất bán sớm hơn cửa hàng thứ hai là: $28-20=8$ (ngày)

Đáp số: Cửa hàng thứ nhất bán sớm hơn và sớm hơn 8 ngày

6) a) Đoạn thẳng BC là của các tam giác, tứ giác: BCE, BCH, BCDA

b) Điểm E là điểm chung các tam giác, tứ giác: BEC, BEH, BEDA

7) Số quyển vở các em được thưởng là: $27 \times 15=405$ (quyển vở)

Số tiền mua vở là: $3200 \times 405=1\,296\,000$ (đồng)

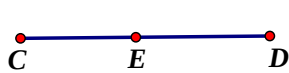
Đáp số: 1 296 000 đồng

ĐỀ SỐ 48

Bài 1. Viết vào chỗ chấm (theo mẫu)

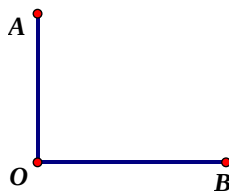
Đọc số	Viết số
10 356 217	Mười triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm mười bảy
a).....	Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm linh sáu
b) 967 246	
c)	Chín trăm tám mươi nghìn hai trăm mười
d) 73 504	

Bài 2. Điền vào chỗ chấm



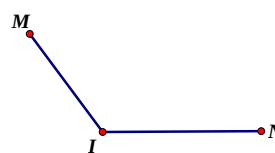
a) Góc

.....



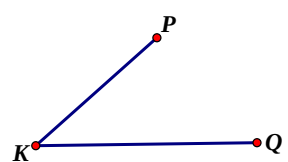
b) Góc

.....



c) Góc

.....



d) Góc.....

Bài 3. Đặt tính rồi tính

a) $145386+236453$

b) $749881-625639$

c) 347×34

d) $4840:22$

Bài 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S

2 giờ 30 phút = 150 phút ☐

b) 2 tấn 5 kg = 2500 kg ☐

Bài 5; Khoanh tròn vào chữ trước câu trả lời đúng

a) $1200\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$. Số cần điền là

A.120 B.12 C.102 D.12000

b) Số nào dưới đây vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5

A.1998 B.1999 C.2000 D.2001

Bài 6. Lớp 4A có 23 học sinh, lớp 4B có 18 học sinh, lớp 4C có 31 học sinh. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

Bài 7. Tuổi chị và tuổi em cộng lại được 34 tuổi. Chị hơn em 6 tuổi. Hỏi chị bao nhiêu tuổi, em bao nhiêu tuổi

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 48

1) Viết vào chỗ chấm :

a) 20463206

b) Chín trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi sáu

c) 980210

d) Bảy mươi ba nghìn năm trăm linh tư

2) góc CED là góc bẹt

góc AOB là góc vuông

góc MIN là góc tù

góc PRQ là góc nhọn

3) Đặt tính đúng mỗi câu thì đạt điểm tối đa

a) $145386 + 236453 = 381839$

b) $749881 - 625639 = 124242$

c) $347 \times 34 = 11798$

d) $4840 : 22 = 220$

4) a) Đ b) S

5) a) B b) C

6) Số học sinh trung bình mỗi lớp có là : $(23 + 18 + 31) : 3 = 24$ (em)

Đáp số : 24 em

7) Hai lần tuổi chị là : $34 + 6 = 40$ (tuổi)

Tuổi chị là : $40 : 2 = 20$ (tuổi)

Tuổi em là : $20 - 6 = 14$ (tuổi)

Đáp số : Chị : 20 tuổi; Em : 14 tuổi

ĐỀ SỐ 49

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1.

a) Số 42 570 300 được đọc là:

A. Bốn trăm hai mươi lăm triệu bảy mươi nghìn ba trăm

B. Bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm

C. Bốn hai triệu năm bảy nghìn ba trăm

D. Bốn mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm.

b) Trong số 9 352 471, chữ số 3 thuộc hàng nào? Lớp nào?

A. Hàng trăm, lớp đơn vị

B. Hàng nghìn, lớp nghìn

C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn

D. Hàng trăm nghìn, lớp trăm nghìn

Câu 2. a) Các số dưới đây, số nào chia hết cho 2

A. 659 403 750

B. 904 113 695

C. 709 638 553

D. 559 603 551

b) Năm 2005 thuộc thế kỷ nào?

A. XVIII

B. XIX

C. XX

D. XXI

Câu 3. a) Trung bình cộng của: 12 cm, 13 cm, 16 cm, 27 cm là:

A. 17

B. 17 cm

C. 68 cm

D. 68

b) Kết quả của phép chia $18\,000 : 100$ là

A. 18

B. 180

C. 1800

D. 108

Câu 4. a) Tính giá trị của biểu thức sau: $a - b$. Với a là số lớn nhất có 5 chữ số và b là số bé nhất có 5 chữ số

A. 99 998

B. 99 989

C. 8 9999

D. 80 000

b) 4 ngày 7 giờ = giờ

A. 47

B. 11

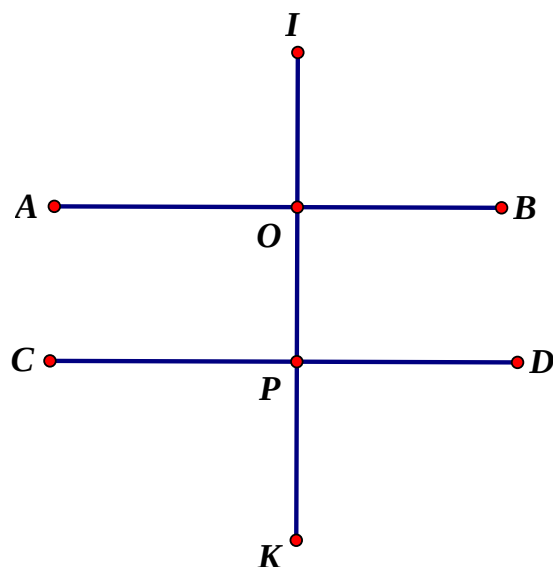
C. 103

D. 247

Câu 5. Viết tiếp vào chỗ chấm:

a) Đường thẳng IK vuông góc với đường thẳng và đường thẳng.....

b) Đường thẳng AB song song với đường thẳng.....



II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1. Đặt tính rồi tính (2 điểm)

a) $386\,154 + 260\,765$

b) $726\,485 - 52\,936$

c) 308×563

d) $12288 : 351$

Câu 2. (2 điểm) Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 160m, chiều rộng kém chiều dài 52m. Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó

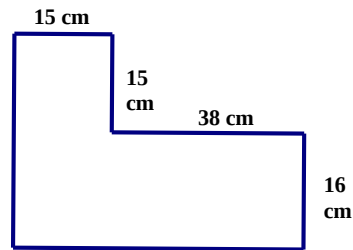
Câu 3 (1đ) Diện tích hình bên là

A. 608m^2

B. 225m^2

C. 848m^2

D. 1073m^2



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 49

I. TRẮC NGHIỆM

1) a) D b) C

2) a) A b) D

3) a) B b) B

4) a) C b) C

5) a) AB, CD

b) CD

II. Tự Luận

a) Đặt tính đúng mỗi câu được điểm tối đa

a) $386154 + 260765 = 646919$

b) $726485 - 52936 = 673549$

c) $308 \times 563 = 173404$

d) $12288 : 351 = 35 (\text{dư } 3)$

2) Hai lần chiều dài mảnh đất là: $160 + 52 = 212 (\text{m})$

Chiều dài mảnh đất đó là: $212 : 2 = 106 (\text{m})$

Chiều rộng mảnh đất đó là: $160 - 106 = 54 (\text{m})$

Diện tích mảnh đất đó là: $106 \times 54 = 5724 (\text{m}^2)$

Đáp số: 5724m^2

3) D

ĐỀ SỐ 50
PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

a) Số năm mươi hai nghìn tám trăm linh bảy viết là:

- A. 52708 B. 52807 C. 52087 D. 52078

b) Trong các số: **29 214 ; 35 305 ; 53 410 ; 60 958**, số chia hết cho cả 2 và 5 là:

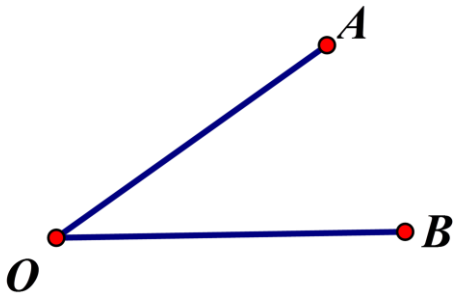
- A. 29 214 B. 35 305 C. 53 410 D. 60 958

c) Trong các số sau, số lớn nhất là

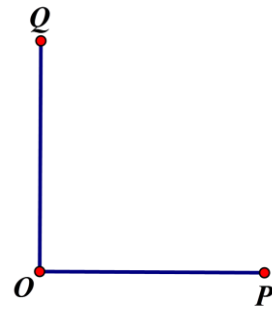
- A. 8631 B. 8136 C. 8361 D. 8316

Câu 2: Điền tên góc và từ thích hợp vào chỗ chấm:

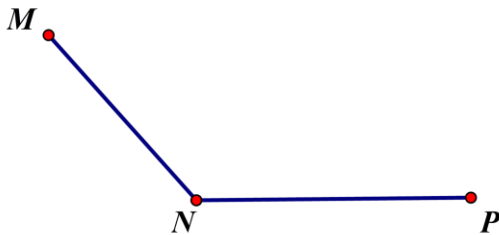
a) Điền tên góc thích hợp với mỗi hình vẽ:



Góc:



Góc:



Góc:

b) Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

A B

D

.....

b. 3 yến = kg;

72 450 : 23

Bài giải

Vừa qua trường phát động phong trào ủng hộ các bạn học sinh vùng khó khăn. Lớp 4A ủng hộ được 86 000 đồng, lớp 4B ủng hộ được 72 000 đồng, lớp 4C ủng hộ ít hơn lớp 4A 10 000 đồng. Hỏi trung bình mỗi lớp ủng hộ được bao nhiêu tiền?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 50

A. Trắc Nghiệm

Câu 1: a) B b) C c) A

Câu 2: a) góc AOB, góc QOP, góc MNP

b) Hai đoạn thẳng AB và CD song song

II. Tự Luận

1) a) $8\text{m}^2 4\text{dm}^2 = 804\text{dm}^2$ b) $3\text{ yến} = 30\text{ kg}$

2) Đặt tính đúng mỗi câu được điểm tối đa

$$265814 + 353548 = 619362$$

$$946495 - 473859 = 472636$$

$$428 \times 125 = 53500$$

$$72450 : 23 = 3150$$

3) Tóm tắt

Chu vi mảnh vườn : 820 dm

Chiều dài hơn rộng : 66 dm

a) Tính chiều dài, chiều rộng

b) Tính diện tích

Giải

a) Nửa chu vi mảnh vườn là : $820 : 2 = 410(\text{dm})$

Hai lần chiều dài là : $410 + 66 = 476(\text{dm})$

Chiều dài mảnh vườn là : $476 : 2 = 238(\text{dm})$

Chiều rộng mảnh vườn là : $410 - 238 = 172(\text{dm})$

b) Diện tích mảnh vườn là : $238 \times 172 = 40936(\text{dm}^2)$

Đáp số : a) Chiều dài : 238 dm, Chiều rộng : 172 dm

b) 40936dm^2

4) Số tiền ủng hộ của lớp 4C là : $86000 - 10000 = 76000(\text{đồng})$

Số tiền trung bình mỗi lớp ủng hộ là :

$$(86000 + 72000 + 76000) : 3 = 78000(\text{đồng})$$

Đáp số : 78000 đồng

